

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2015

Số: 507 /QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa II các chuyên ngành: Nội hô hấp – Ngoại chấn thương chỉnh hình – Sản phụ khoa - Nội tim mạch – Ngoại tiêu hóa – Nhi thận tiết niệu – Quản lý y tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học.

Căn cứ quyết định số 5447/2006/QĐ-BYT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I và cấp II các chuyên ngành Nội hô hấp – Ngoại chấn thương chỉnh hình – Sản phụ khoa cho Trường Đại học Y Hải Phòng

Căn cứ quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp II các chuyên ngành Nội tim mạch – Ngoại tiêu hóa – Nhi thận tiết niệu – Quản lý y tế cho Trường Đại học Y Hải Phòng

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Nội, Bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành, Bộ môn Sản phụ khoa, Bộ môn Nhi, trưởng Khoa YTCC.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này các Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa II các chuyên ngành: Nội hô hấp, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Sản phụ khoa, Nội tim mạch, Ngoại tiêu hóa, Nhi thận tiết niệu, Quản lý y tế.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, Bộ môn Nội, Bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành, Bộ môn Sản phụ khoa, Bộ môn Nhi, Khoa YTCC căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

---o0o---

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ
Mã số: CK 62 72 76 05

HẢI PHÒNG, 2015

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế được xây dựng trên cơ sở pháp lý của những văn bản sau:

1. Luật giáo dục số 11/2005/LCTN được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua ngày 27/6/2005.
2. Nghị định của Chính phủ số 75/2006/NĐ-CP ngày 2/8/2006 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục
3. Thông tư liên tịch số 30/2003 TTLT/BGD&ĐT-BYT ngày 1/7/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn việc chuyển đổi giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế.
4. Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học.
5. Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 08/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo sau đại học.
6. Quyết định số 02/2001/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/1/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học.
7. Quyết định số 4306/2003/QĐ-BYT ngày 14/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế cấp bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I, bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp II và bằng tốt nghiệp nội trú bệnh viện trong lĩnh vực y tế.
8. Biên bản họp thông qua chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế của Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường Đại học Y Hải Phòng được Chủ tịch hội đồng ký.

PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bậc học : Sau đại học.
2. Chuyên ngành đào tạo : Quản lý y tế.
3. Chức danh sau khi tốt nghiệp : Bác sỹ chuyên khoa cấp II.
4. Mã số đào tạo :
5. Thời gian đào tạo : 02 năm.
6. Hình thức đào tạo : Hệ tập trung.
7. Đối tượng tuyển sinh :

Các cán bộ y tế là Bác sỹ, Dược sỹ đã tốt nghiệp và có bằng chuyên khoa cấp I các chuyên ngành Y tế Công cộng, Y học dự phòng, CKI các ngành khác (đang làm quản lý y tế); tốt nghiệp sau đại học từ 2 năm trở lên đang công tác quản lý y tế được cơ quan đơn vị cử đi học.

Các môn thi tuyển: Tổ chức thi tuyển theo quy định của Bộ Y tế, thi 2 môn.

- Môn Ngoại ngữ : Thi tuyển theo trình độ C, theo 1 trong 4 ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức)
- Môn chuyên ngành : Thi môn Tổ chức y tế theo chương trình chuyên khoa cấp I Y tế công cộng

8. Cơ sở đào tạo : Trường Đại học Y Hải Phòng.
9. Bậc học có thể tiếp tục : Có thể chuyển đổi văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế từ chuyên khoa cấp II sang Tiến sỹ chuyên ngành Vệ sinh xã hội và Tổ chức y tế, Y tế công cộng.

MÔ TẢ NHIỆM VỤ

1. Áp dụng được các kiến thức về quản lý y tế trong việc xác định, đề xuất các giải pháp thích hợp giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.
2. Điều hành và quản lý hiệu quả các chương trình y tế, các hoạt động chăm sóc sức khỏe của các Trung tâm y tế, Bệnh viện và Sở Y tế.
3. Chỉ đạo, giám sát, tham gia giáo dục, vận động các cấp chính quyền và cộng đồng tham gia bảo vệ sức khỏe nhân dân.
4. Báo cáo và làm cố vấn về vấn đề sức khỏe cộng đồng và khu vực với cấp trên và các cấp chính quyền.
5. Thực hiện các vấn đề Quản lý hành chính nhà nước về sức khỏe tại cơ sở.
6. Chủ trì tham gia công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn, đào tạo cán bộ chuyên ngành Quản lý y tế tại đơn vị công tác.
7. Tự học và thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ để nâng cao kiến thức kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế là loại hình đào tạo sau đại học, đặc thù của ngành Y tế, nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia y tế bậc cao, có khả năng thực hành giỏi trong một chuyên ngành hẹp.

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo bác sỹ chuyên khoa cấp II Quản lý y tế (QLYT) có kiến thức sâu về quản lý y tế, có kiến thức, thái độ, kỹ năng trong việc xác định đề xuất các giải pháp thích hợp giải quyết các vấn đề sức khỏe công cộng, điều hành và quản lý các chương trình y tế, các hoạt động chăm sóc sức khỏe của các trung tâm y tế, Bệnh viện và Sở y tế. Đồng thời có khả năng tư vấn, đào tạo, nghiên cứu về Quản lý y tế và tự học tập nâng cao trình độ.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Kiến thức:

- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về cách phát hiện, biện pháp can thiệp và dự phòng các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
- Diễn giải được những kiến thức cơ bản về tổ chức, điều hành, giám sát, quản lý các hoạt động chăm sóc sức khỏe.
- Trình bày được những kiến thức về luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Trình bày được những phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu khoa học công nghệ y học.

2.2. Thái độ

- Đúng đắn trong công việc, thực hiện các nguyên lý của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe của cộng đồng.
- Cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

2.3. Kỹ năng:

- Quản lý tốt các hoạt động về công tác y tế cấp Huyện và cấp Tỉnh
- Xác định được các vấn đề chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

- Đề xuất các giải pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề sức khỏe dựa vào các nguồn lực hiện có.
- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và quản lý các chương trình y tế, các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại địa phương.
- Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các chính sách và luật có liên quan đến sức khỏe với sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức khác.
- Lập kế hoạch phát triển và quản lý các tài liệu giáo dục sức khỏe, tiến hành giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe.
- Lập kế hoạch, triển khai đào tạo kiến thức, kỹ năng cho cán bộ công tác trong lĩnh vực YTCC tại địa phương.
- Hợp tác liên ngành với các tổ chức chính phủ (trong và ngoài nước) trong các hoạt động YTCC, bồi dưỡng và đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ các bộ y tế các cấp.
- Thiết kế, triển khai, viết báo cáo các đề tài nghiên cứu khoa học.
- Tổ chức, điều hành và giám sát, đánh giá và quản lý các hoạt động của hệ thống chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II QUẢN LÝ Y TẾ

STT	Môn học	Số đơn vị học trình			
		TS	LT	TH	Tỷ lệ %
1	Các môn chung	12	6	6	12
2	Cơ sở và hỗ trợ	12	7	5	12
3	Chuyên ngành	51	28	23	51
4	Luận văn	25		25	25
	Tổng cộng	100	45	55	100

PHÂN BỐ QUỸ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

STT	Chứng chỉ	Học kỳ				Ghi chú
		I	II	III	IV	
1	Tin học nâng cao	x				
2	Phương pháp giảng dạy	x				
3	Phương pháp NCKH y học	x				
4	Quản lý hành chính nhà nước	x				
5	Dân số và kế hoạch hoá gia đình		x			
6	Quản lý sức khỏe cộng đồng		x			
7	Quản lý sức khỏe sinh sản		x			
8	Quản lý sức khỏe người cao tuổi			x		
9	Các chương trình Y tế / Dự án Y tế			x		
10	Quản lý thực hiện chính sách Y tế			x		
11	Quản lý các nguồn lực Y tế				x	
12	Đánh giá các hoạt động y tế				x	
13	Luận văn				x	

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT ĐÀO TẠO BÁC SĨ

CHUYÊN KHOA CẤP II QUẢN LÝ Y TẾ

CÁC MÔN HỌC CHUNG 12 ĐVHT						
TT	Tên môn học/ Học phần	TS ĐVHT/ Tiết học	Phân bố ĐVHT/ Tiết học			
			Số lượng LT	% LT	Số lượng TH	% TH
1	Toán tin ứng dụng	4/60	2/30	2	2/30	2
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4/60	2/30	2	2/30	2
3	Phương pháp giảng dạy đại học	4/60	2/30	2	2/30	2
	Tổng cộng	12/180	6/90	6	6/90	6
CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ 12 ĐVHT						
1	Quản lý hành chính nhà nước	7/105	4/60	4	3/45	3
2	Dân số và kế hoạch hoá gia đình	5/75	3/45	3	2/30	2
	Tổng cộng	12/180	7/105	7	5/75	5
CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH 51 ĐVHT						
1	Quản lý sức khỏe cộng đồng	7	4/60	4	4/60	4
2	Quản lý sức khỏe sinh sản	5	4/60	4	3/45	3
3	Quản lý sức khỏe người cao tuổi	12	4/60	4	3/45	3
	Các chương trình Y tế/Dự án Y tế	0	4/60	4	3/45	3
	Quản lý thực hiện chính sách Y tế	8	4/60	4	3/45	3
4	Quản lý các nguồn lực Y tế	7	4/60	4	4/60	4
5	Đánh giá các hoạt động y tế	7	4/60	4	3/45	3
	Tổng cộng	51	28/420	28	23/345	23
	Luận văn					25
	Tổng chung	100	41	41	59	59

MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP

1. Thời gian ôn thi và làm luận án: Tương ứng 24 đơn vị học trình

Sau khi xem xét đề nghị của Bộ môn, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận án chuyên khoa cấp II cho học viên và người hướng dẫn học viên thực hiện luận án. Luận án phải thể hiện được sự vận dụng phương pháp nghiên cứu, những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập và phương pháp giải quyết những vấn đề đã lựa chọn.

Người hướng dẫn luận án chuyên khoa cấp II là giảng viên chuyên ngành có học hàm hoặc học vị PGS, GS, CKII, TS có thâm niên từ 5 năm trở lên.

2. Điều kiện thi tốt nghiệp: Phải hoàn thành học và thi đạt các chứng chỉ (kết quả từ 5 điểm trở lên).

3. Môn thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ: trình độ C
- Chuyên ngành: Luận văn

4. Thời gian thi

1. Bảo vệ luận án : 1 tuần
2. Các vấn đề khác, thực hiện theo Điều 11 của Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo sau đại học.

5. Hình thức thi:

- Bảo vệ luận án: Học viên trình bày và bảo vệ luận án trước Hội đồng gồm 7 thành viên, có 2 người nhận xét và có ít nhất 2 thành viên là người ngoài cơ sở đào tạo.
- Ngoại ngữ: Thi ngoại ngữ trình độ C (được miễn thi nếu đã có chứng chỉ C).

CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

- Giảng trên giảng đường và phòng thí nghiệm kết hợp với học và tiến hành các nghiên cứu trên thực địa.
 - o Tại cộng đồng: Kết hợp với:
 - + Sở Y tế.
 - + Trung tâm y tế huyện/ quận.
 - + Phòng y tế.
 - + Trung tâm y tế dự phòng tỉnh/ thành phố.
 - o Tại các viện và trung tâm chuyên sâu:
 - + Trung tâm da liễu
 - + Trung tâm kiểm dịch quốc tế Hải Phòng
 - + Viện Lao và bệnh phổi Hải Phòng
 - + Trung tâm truyền thông bảo vệ sức khỏe sinh sản Hải Phòng.
 - + Viện y học biển Việt Nam
- Có 6 phân môn tham gia giảng dạy: Tổ chức và quản lý y tế, Dịch tễ học, Kinh tế y tế, Y học lao động - Bệnh nghề nghiệp, Sức khỏe môi trường, Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.
- Có 1 phòng thí nghiệm tổng hợp và thực hành về các lĩnh vực: Y học môi trường, Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.
- Có đơn vị nghiên cứu y học cộng đồng có khả năng hợp tác với các trung tâm nghiên cứu khoa học ở các trường đại học khác.
- Hai giảng đường đủ điều kiện giảng dạy cho chuyên khoa II.
- Có hai huyện được xây dựng điểm là cơ sở thực địa cho học viên về các lĩnh vực chuyên môn.
- Nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên
 - o Thư viện có 200 đầu sách, tạp chí, tài liệu trong nước và nước ngoài
 - o Thư viện điện tử : medline hướng dẫn cách tra cứu và tìm tài liệu cho mọi người sử dụng.
 - o Phòng máy vi tính với 20 máy nối mạng Internet. Sinh viên được tra cứu miễn phí

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT
CÁC MÔN HỌC / HỌC PHẦN**

A. PHẦN CÁC MÔN HỌC CHUNG

MÔN HỌC : TOÁN TIN ỨNG DỤNG

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: **Toán Tin ứng dụng**

Trình độ đào tạo: **Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 các chuyên ngành**

Số đơn vị học trình: 04 Lý thuyết: 02 Thực hành: 02

Số tiết: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

2. Cán bộ giảng dạy

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng – GVC bộ môn Toán tin – Trường ĐHYDHP
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung – GVC bộ môn Toán tin – Trường ĐHYDHP
- ThS. Đào Thu Hằng – GV bộ môn Toán tin – Trường ĐHYDHP

3. Mô tả học phần

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai hoặc nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Spearman*, Hệ số *Pearson*,...

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính. Xử lý được số liệu trong luận án tốt nghiệp chuyên khoa cấp 2.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

5. Nội dung học phần

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2

2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, tính toán vện thông tin. Vấn đề sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2
5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> , hệ số tương quan tuyến tính.	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, <i>ANOVA</i> one way, <i>ANOVA</i> two way.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính, kiểm định chuẩn.	3	3
8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, Kiểm định <i>Wilcoxon</i> , kiểm định hạng theo dấu, <i>Kruskal – Wallis</i> , kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy, ước lượng các tham số <i>R</i> , <i>a</i> , <i>b</i> .	3	3
10	Tương quan đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan <i>Q</i> , hệ số tương quan <i>F</i> . Hệ số <i>Pearson P</i> . Hệ số <i>Kramer K</i> . Ý nghĩa.	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3
TỔNG		30	30

6. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Thuyết trình, vấn đáp, học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Với những bài tập đã được giao trước về nhà, đến giờ thực hành học viên trình bày trước giáo viên để kiểm tra năng lực và tính chuyên cần. Xử lý trực tiếp trên máy tính thông qua phần mềm *SPSS* để cho kết quả.

7. Tài liệu dạy học

Tài liệu dạy học:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.

2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Nguyễn Ngọc Rạng, *Thiết kế nghiên cứu và thống kê y học*, NXB Y học, 2012.
5. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

8. Cơ sở vật chất cho dạy học

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

Kiểm tra thực hành: 1 bài xử lý dữ liệu trên máy tính (*hệ số 1*).

Thi hết học phần: 1 bài vấn đáp (*hệ số 2*).

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán Tin – Đại học Y Dược Hải Phòng.

MÔN HỌC : PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Thông tin về môn học:

Số đơn vị học trình :	04	LT : 02	TH: 02
Số tiết học	: 60	LT : 30	TH: 30
Số lần kiểm tra	: 02		
Số chứng chỉ	: 01		

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- GS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược Hải phòng.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Đơn vị Phương pháp Nghiên cứu khoa học -Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS. Chu Văn Thắng, Đại học Y Hà nội
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng
- PGS. TS. Phạm Minh Khuê - Đơn vị Phương pháp Nghiên cứu khoa học - Đại học Y dược Hải Phòng

3. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn này, học viên có khả năng:

1. Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học đúng qui trình
2. Áp dụng được các kiến thức về thiết kế và thống kê y học.
3. Thu thập được các số liệu và viết báo cáo khoa học một cách hoàn chỉnh.

4. Nội dung môn học:

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
1.	Phương pháp chuẩn bị đề cương nghiên cứu khoa học	6	3	3
2.	Tổng quan các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	6	3	3
3.	Phương pháp nghiên cứu cắt ngang	6	3	3
4.	Phương pháp nghiên cứu thuần tập	6	3	3
5.	Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	6	3	3
6.	Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng	6	3	3
7.	Quản thể mẫu nghiên cứu trong y học	6	3	3
8.	Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu y học	6	3	3
9.	Trình bày các kết quả nghiên cứu y học	6	3	3
10.	Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án)	6	3	3
	Tổng cộng	60	30	30

5. Phương pháp dạy học:

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm

3. Nghiên cứu và nêu vấn đề

6. Phương pháp lượng giá:

Tự viết các bước của thiết kế nghiên cứu và triển khai, viết báo cáo khoa học và trình bày trong thảo luận nhóm.

7. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học. Khoa YTCC, Trường đại học Y Dược Hải Phòng

2. Dịch tễ học, Trường đại học Y Hải Phòng 2012

8. Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học, nhà xuất bản Y học – Hà Nội 1999
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học lâm sàng, nhà xuất bản Y học Hà Nội 1997.
3. Nghiên cứu khoa học y học / Lưu Ngọc Hoạt. - H. : Y học, 2016. - 99tr. ; 27cm. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu / Lưu Ngọc Hoạt. - 99tr.
4. Nghiên cứu khoa học y học. - Tái bản lần 1 có bổ sung. - H. : Y học, 2016. - 185tr. ; 27cm. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. - 185tr.
5. Dịch tễ học : Sách đào tạo sau đại học / Vũ Thị Hoàng Lan. - H. : Y học, 2011. - 202 tr. : minh hoạ ; 27 cm
6. Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1998. – 228tr ; 19cm.
7. Dịch tễ học lâm sàng : T.1. - H. : Y học, 2006. – 261tr. : Hình vẽ
8. Dịch tễ học lâm sàng : T1 / Dương Đình Thiện. - H. : Y học, 1997. - 247 tr.; 24 cm
9. Dịch tễ học lâm sàng : Tập 2. - H. : Y học, 2004. – 347tr. : hình vẽ, bảng
10. Dịch tễ học liệt mềm cấp do vi rút đường ruột ở trẻ em miền Bắc, Việt Nam : Sách chuyên khảo. - H. : Y học, 2016. - 95tr. ; 27cm
11. Dịch tễ học một số bệnh thường gặp / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1996. - 237 tr.; 24 cm
12. Dịch tễ học từng bệnh Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch. - H. : Y học, 1981. - 211 tr. ; 21 cm
13. Epidémiologie principes et méthodes quantitatives. - Paris : Inserm, 1993. - 498p.; 19 cm
14. Basic epidemiology / Beaglehole, R.. - Geneva : WHO, 1993. - 175p.; 19cm
15. Biostatistics and epidemiology : Armen Khachatryan, M.D.. - McGraw - Hill : Health professions division, 1998. - 111 tr. ; 19 cm.

Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Đơn vị Phương pháp Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHYD Hải Phòng

MÔN HỌC: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 04 LT : 02 TH: 02
Số tiết học: 60 LT : 30 TH: 30
Số lần kiểm tra: 2 Thi hết môn: 1
Số chứng chỉ: 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- PGS.TS. Nguyễn Thị Dung – Trưởng đơn vị Phương pháp giảng dạy - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng.
- PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi - Giảng viên đơn vị Phương pháp giảng dạy- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng.
- TS. Nguyễn Thị Thông – Giảng viên đơn vị Phương pháp giảng dạy - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng.

3. Mô tả môn học.

- Các bác sĩ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo BSCKII phải tham gia giảng dạy ở các Trường đại học, trung học y tế hoặc tại các Bệnh viện.
- Trong quá trình đào tạo đại học, sinh viên chưa được học phương pháp giảng dạy. Vì vậy, rất cần bổ sung những kiến thức này cho các học viên trong chương trình đào tạo BSCKII.

4. Mục tiêu học tập.

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các phương pháp dạy, học truyền thống và tích cực.
2. Trình bày các phương pháp lượng giá, đánh giá khách quan.
3. Chuẩn bị được một kế hoạch bài giảng và giảng một bài theo một trong những phương pháp dạy, học tích cực.

5. Nội dung.

S T T	Nội dung	Số tiết		
		LT	TH	Tổng số
1.	Chương 1: Giới thiệu môn học 1. Các khuynh hướng mới trong GDYH. 2. Đặc điểm của PPDHTC.	2	2	4
2.	Chương 2: Xác định được mục tiêu học tập	4	4	8

	1. Xác định mục tiêu học tập 2. Cách viết mục tiêu học tập			
3.	Chương 3: Một số phương pháp dạy học hiện nay 1. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm 1.1. Khái niệm về phương pháp dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm. 1.2. Cách chia nhóm. 1.3. Vai trò của người điều hành thảo luận nhóm. 1.4. Vai trò từng thành viên tham gia thảo luận nhóm. 3.1.5. Lượng giá bài học. 2. Dạy/học bằng bảng kiểm 2.1. Phương pháp xây dựng bảng kiểm dùng trong dạy học. 2.2. Áp dụng bảng kiểm trong bài giảng lý thuyết. 2.3. Áp dụng bảng kiểm trong thực hành lâm sàng. 2.4. Áp dụng bảng kiểm trong đánh giá thực hành tay nghề. 2.5. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học. 3. Dạy/học bằng phương pháp đóng vai 3.1. Cách phân vai trong dạy/học 3.2. Vai trò của thầy trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.3. Vai trò của học viên trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.4. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học 4. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng case 4.1. Phương pháp phân tích trường hợp. 4.2. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học.	14	14	28
4.	Chương 4. Phương pháp lượng giá 1. Phương pháp thi viết cổ điển. 2. Phương pháp thi trắc nghiệm. 3. Phương pháp thi chạy trạm. 4. Lượng giá lý thuyết. 5. Lượng giá thực hành.	6	6	12
5.	Chương 5: Viết kế hoạch bài giảng 1. Chuẩn bị tài liệu viết kế hoạch bài giảng. 2. Các bước tiến hành viết kế hoạch bài giảng.	4	4	8
	Tổng	30	30	60

5. Phương pháp dạy học.

5.1. Phương pháp dạy/học:

Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

+ *Lý thuyết*

- Dạy / học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

+ *Bài tập:*

- Thiết kế một kế hoạch bài giảng
- Xây dựng câu hỏi lượng giá sau bài học

5.2. *Vật liệu để dạy/học:*

Gồm phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

6. **Tài liệu dạy học:**

Tài liệu học tập:

Phạm Thị Minh Đức, Dạy và học tích cực trong đào tạo y học , NXB YH - 2001;

Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Giáo dục Y học trường Đại học Y Hà Nội: “ Dạy – học tích cực trong đào tạo Y học” Nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hà: “ Phương pháp dạy-học tích cực” Nhà xuất bản Y học , Hà nội năm 2011.
- Phạm Văn Thức , Nguyễn Ngọc Sáng: “ Phương pháp dạy – học lâm sàng” Nhà Xuất bản Y học năm 2012.
- MAILLARD Dominique : “ Formation pédagogique - Programme de mission du diplôme universitaire pédagogique de la Faculté de Médecine Paris Diderot Paris 7 en 2007.
- MAILLARD Dominique: “ Méthode pédagogique - Programme de mission du diplôme universitaire pédagogique de la Faculté de Médecine Paris Diderot Paris 7 en 2013.

7. **Phương pháp lượng giá:**

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM
3. Trình bày một kế hoạch bài giảng

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Đơn vị phương pháp giảng dạy đại học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

B. MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ
MÔN HỌC : QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 7 (4/3)

Số tiết học : 105 (60/45)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- ThS. Nguyễn Văn Hiếu, Trường chính trị Tô Hiệu Hải phòng

3. Mục tiêu môn học: *Sau khi học xong môn này, học viên có khả năng:*

1. Mô tả được những nội dung cơ bản cải cách một bước hành chính Nhà nước.
2. Trình bày được một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước và luật hành chính.
3. Liệt kê được các văn bản quản lý hành chính Nhà nước và công tác quản lý văn bản.
4. Trình bày được quản lý kinh tế Nhà nước và quản lý kinh tế Nhà nước về y tế.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH
1.	Cải cách nền hành chính là trung tâm của việc kiện toàn Nhà nước	4	4	
2.	Quán triệt và vận dụng các quan điểm cơ bản về xây dựng Nhà nước về việc chỉ đạo cải cách hành chính	2	2	
3.	Nội dung cải cách một bước nền hành chính	4	4	
4.	Tổ chức chỉ đạo công cuộc cải cách hành chính ở địa phương và ngành	17	2	15
5.	Tình hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước	2	2	
6.	Phương hướng, nội dung, biện pháp chủ yếu trong xây dựng và hoàn thiện chính quyền nhân dân	2	2	
7.	Những vấn đề cơ bản của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	2	2	
8.	Cơ cấu bộ máy Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	2	2	
9.	Vị trí, khái niệm, tính chất và đặc điểm của quản lý hành chính Nhà nước	2	2	
10.	Nội dung hoạt động chủ yếu của các cơ quan hành chính Nhà nước	2	2	
11.	Công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính Nhà nước	2	2	
12.	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hành chính Nhà nước	2	2	
13.	Những vấn đề chung về luật hành chính	2	2	
14.	Hình thức, phương pháp và thủ tục hành chính của hệ thống	2	2	

	hành chính Nhà nước			
15.	Hoạt động kiểm soát đối với hệ thống hành chính Nhà nước	2	2	
16.	Các chức năng chủ yếu văn bản quản lý hành chính Nhà nước	2	2	
17.	Sự phân loại chung đối với các văn bản quản lý Nhà nước về tính chất của các loại văn bản	2	2	
18.	Công tác quản lý văn bản	17	2	15
19.	Những vấn đề chung về pháp luật	2	2	
20.	Hệ thống văn hoá pháp luật Nhà nước Việt Nam	2	2	
21.	Thực hiện Pháp luật	17	2	15
22.	Pháp chế xã hội chủ nghĩa	2	2	
23.	Quan hệ trong công sở và giữa các công sở	2	2	
24.	Trách nhiệm của công sở, công chức về thủ tục hành chính	2	2	
25.	Một số vấn đề chung về chức năng quản lý kinh tế Nhà nước	2	2	
26.	Nội dung chủ yếu về quản lý kinh tế của Nhà nước Việt Nam	2	2	
27.	Phương pháp phát triển văn hoá, văn nghệ ở nước ta	2	2	
28.	Một số nội dung chủ yếu quản lý Nhà nước về văn hoá trong giai đoạn hiện nay	2	2	
Tổng		105	60	45

5. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: Tham quan

6. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Viết thu hoạch theo chủ đề
2. Thực hành : Làm tiểu luận.

7. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập môn Quản lý hành chính nhà nước - Trường đại học Y Dược Hải phòng

8. Tài liệu tham khảo:

1. Học viện hành chính Quốc gia: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và quản lý hành chính Nhà nước. Hà Nội 1996.
2. Bài giảng quản lý và chính sách y tế: Dành cho đối tượng sau đại học / Trương Việt Dũng. - H. : Y học, 2002. – 319tr.; 27 cm

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 5 (3/2)

Số tiết học : 105 (45/30)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- TS. Trần Chí Liêm, Đại học Y Hà nội.
- PGS. TS. Nguyễn Văn Học – GV Bộ môn Sản phụ khoa - Đại học Y Dược Hải Phòng.
- TS. Ngô Thị Uyên – GV Bộ môn Sản phụ khoa - Đại học Y Dược Hải Phòng.

3. Mục tiêu môn học

1. Liệt kê được một số nội dung về chính sách dân số và mối liên quan giữa môi trường và phát triển dân số - KHHGD
2. Trình bày được những nội dung cơ bản về dân số - KHHGD, kỹ năng truyền thông, kỹ năng quản lý các biện pháp tránh thai ở cộng đồng.
3. Đánh giá được tình trạng nạo phá thai hiện nay nhằm đưa ra các giải pháp hợp lý cho vấn đề này.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH
1.	Chính sách dân số - Kế hoạch hoá gia đình	08	06	02
2.	Sự phát triển dân số và mối quan hệ dân số với môi trường	08	05	03
3.	Những khái niệm cơ bản về dân số - KHHGD	06	04	02
4.	Tư vấn dân số - KHHGD	08	05	03
5.	Chiến lược truyền thông dân số –KHHGD	09	06	03
6.	Cơ sở sinh lý của KHHGD	06	06	
7.	Tổng quan các biện pháp tránh thai	13	10	03
8.	Nạo phá thai an toàn và giải pháp quản lý	07	04	03
9.	Trình bày các chuyên đề - seminar	15		15
	Tổng	105	45	30

5. Phương pháp dạy học

- Thuyết trình, thảo luận nhóm

6. Phương pháp lượng giá

Thi viết cải tiến, báo cáo chuyên đề

7. Tài liệu tham khảo:

1. Một số đặc điểm dân số Việt Nam hiện nay: sách chuyên khảo dùng cho sinh viên đại học, sau đại học và cán bộ ngành y. - H. : Quân đội nhân dân, 2010. - 107 tr.

2. Dân số học: sách đào tạo hệ bác sĩ y học dự phòng. - H. : Y học, 2009. - 351tr.
3. Bài giảng dân số học : Tài liệu giảng dạy cho sinh viên Bác sĩ đa khoa, Y học dự phòng. - Hải Phòng, 2015. - 98tr.
4. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr.
5. HPV, ung thư cổ tử cung và chiến lược sàng lọc dự phòng thứ phát : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Linh. - H. : Y học, 2014. - 207tr

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng và Bộ môn Sản Phụ khoa, Trường ĐHYD Hải Phòng.

C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH
MÔN HỌC : QUẢN LÝ SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 8 (4/4)

Số tiết học : 120 (60/60)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- GS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu, Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng

3. Mục tiêu môn học:

1. Thu thập, giải thích và sử dụng các thông tin liên quan đến sức khỏe cộng đồng từ các nguồn khác nhau.
2. Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên cần giải quyết tại địa phương.
3. Đề xuất được các giải pháp thích hợp nhằm giải quyết các vấn đề sức khỏe.
4. Thiết kế, triển khai và viết báo cáo khoa học về sức khỏe cộng đồng.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH
1.	Các chỉ số thường dùng trong bệnh viện (các số đo bệnh trạng)	4	2	2
2.	Các chỉ số của một số chuyên khoa	4	2	2
3.	Các chỉ số của dịch tễ học (số đo bệnh trạng)	4	2	2
4.	Các chỉ số dân số học	4	2	2
5.	Mục tiêu của phát hiện bệnh trong cộng đồng	4	2	2
6.	Giá trị của phương pháp phát hiện bệnh trong cộng đồng	4	2	2
7.	Lựa chọn chương trình phát hiện bệnh	4	2	2
8.	Quản thể và mẫu	12	6	6
9.	Lựa chọn chỉ số nghiên cứu thích hợp	8	4	4
10.	Công cụ thu thập số liệu	6	3	3
11.	Lập kế hoạch và dự trù nguồn lực cho nghiên cứu	6	3	3
12.	Thu thập, phân tích số liệu	6	3	3
13.	Trình bày, phân tích kết quả nghiên cứu	6	3	3
14.	Cách viết một bản nghiên cứu khoa học	6	3	3
15.	Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học	6	3	3
16.	Nghiên cứu có tham sự tham gia của cộng đồng	12	6	6
17.	Phương pháp cho điểm một vấn đề được đề xuất	8	4	4

	(lựa chọn vấn đề nghiên cứu)			
18.	Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên cần giải quyết	6	3	3
19.	Quản lý thường quy	6	3	3
20.	Quản lý từ các cuộc điều tra	6	3	3
	Tổng	120	60	60

5. Phương pháp giảng dạy:

- + Lý thuyết: Trình bày, nêu vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- + Thực hành: Làm bài tập, Thực tập cộng đồng.

6. Phương pháp lượng giá:

- + Lý thuyết: Viết thu hoạch theo chủ đề
- + Thực hành: Làm tiểu luận.

7. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay dùng cho đối tượng đào tạo sau đại học - Khoa y tế công cộng -2015
- Dịch tễ học - Đại học y dược Hải Phòng, 2012

8. Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học, nhà xuất bản Y học – Hà Nội 1999
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học lâm sàng, nhà xuất bản Y học Hà Nội 1997.
3. Nghiên cứu khoa học y học / Lưu Ngọc Hoạt. - H. : Y học, 2016. - 99tr. ; 27cm. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu / Lưu Ngọc Hoạt. - 99tr.
4. Nghiên cứu khoa học y học. - Tái bản lần 1 có bổ sung. - H. : Y học, 2016. - 185tr. ; 27cm. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. - 185tr.
5. Dịch tễ học : Sách đào tạo sau đại học / Vũ Thị Hoàng Lan. - H. : Y học, 2011. - 202 tr. : minh họa ; 27 cm
6. Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1998. – 228tr ; 19cm.
7. Dịch tễ học lâm sàng : T.1. - H. : Y học, 2006. – 261tr. : Hình vẽ
8. Dịch tễ học lâm sàng : T1 / Dương Đình Thiện. - H. : Y học, 1997. - 247 tr.; 24 cm
9. Dịch tễ học lâm sàng : Tập 2. - H. : Y học, 2004. – 347tr. : hình vẽ, bảng
10. Dịch tễ học liệt mềm cấp do vi rút đường ruột ở trẻ em miền Bắc, Việt Nam : Sách chuyên khảo. - H. : Y học, 2016. - 95tr. ; 27cm
11. Dịch tễ học một số bệnh thường gặp / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1996. - 237 tr.; 24 cm
12. Dịch tễ học từng bệnh Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch. - H. : Y học, 1981. - 211 tr. ; 21 cm
13. Epidémiologie principes et méthodes quantitatives. - Paris : Inserm, 1993. - 498p.; 19 cm
14. Basic epidemiology / Beaglehole, R.. - Geneva : WHO, 1993. - 175p.; 19cm
15. Biostatistics and epidemiology : Armen Khachatryan, M.D.. - McGraw - Hill : Health professions division, 1998. - 111 tr. ; 19 cm.

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng

QUẢN LÝ SỨC KHOẺ SINH SẢN

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 7 (4/3)

Số tiết học : 105 (60/45)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Học Đại học Y dược Hải phòng.
- TS. Ngô Thị Uyên – Bộ môn Sản phụ khoa - Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng

3. Mục tiêu môn học

1. Trình bày những khái niệm hiện nay về sức khỏe sinh sản
2. Phân tích được thực trạng sức khỏe sinh sản và giải pháp cho vấn đề này.
3. Thực hành được tư vấn các nội dung của sức khỏe sinh sản.
4. Lập kế hoạch cho chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản.
5. Theo dõi và đánh giá được một chương trình sức khỏe sinh sản.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
1.	Đại cương về sức khỏe sinh sản	03	02	01
2.	Sức khỏe phụ nữ, vấn đề và giải pháp trong nhận thức về giới tính	06	04	02
3.	Một số vấn đề đặc trưng trong chương trình sức khỏe sinh sản Tử vong bà mẹ và giải pháp trong quản lý + Tử vong mẹ ở Việt Nam và trên thế giới + Thiết kế và đánh giá chương trình tử vong mẹ (chiến lược thực hiện, đánh giá nhu cầu, thiết kế chương trình) Sức khỏe vị thành niên, vấn đề và giải pháp Sức khỏe phụ nữ tuổi mãn kinh STDS. HIV/AIDS và giải pháp Vấn đề vô sinh và giải pháp Vấn đề ung thư cổ tử cung, vú và giải pháp Y tế công cộng	06 12 08 10 10 06 06	04 08 06 08 08 04 04	02 04 02 02 02 02 02
4.	Tư vấn sức khỏe sinh sản	08	04	04
5.	Giám sát chương trình SKSS	09	04	05
6.	Theo dõi đánh giá chương trình SKSS	09	04	05
7.	Báo cáo chuyên đề, Seminar	24		12
	Tổng	105	60	45

5. Phương pháp giảng dạy:

- + Lý thuyết: Trình bày, nêu vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- + Thực hành: Làm bài tập, Thực tập cộng đồng.

6. Phương pháp lượng giá: Thi viết, viết báo cáo chuyên đề.

7. Tài liệu học tập

Tài liệu phát tay dùng cho học viên sau đại học

8. Tài liệu tham khảo:

1. Nhập đề về nhân học xã hội trong bối cảnh Việt Nam: Nghiên cứu về giới và sức khỏe sinh sản ở khu vực ven biển miền Bắc trung bộ. - H. : Thế giới, 2010. - 236tr.
2. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr.
3. HPV, ung thư cổ tử cung và chiến lược sàng lọc dự phòng thứ phát : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Linh. - H. : Y học, 2014. - 207tr
4. Cẩm nang phụ nữ chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh / Miriam Stoppard. - H. : Phụ nữ, 2002. - 398tr
5. Hỏi đáp sức khỏe sinh sản sức khỏe tình dục / Đào Xuân Dũng. - H. : Thanh niên, 2003.

Chịu trách nhiệm giảng dạy: BM Sản phụ khoa & Khoa y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng

QUẢN LÝ SỨC KHOẺ NGƯỜI CAO TUỔI

Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 7 (4/3)

Số tiết học : 105 (60/45)

Số chứng chỉ : 1

Cán bộ giảng dạy môn học:

- PGS. TS. Chu Văn Thắng, Đại học Y Hà nội.
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng
- PGS.TS. Nguyễn Thị Dung, Phó trưởng Bộ môn Nội.
- PGS. TS. Đỗ Thị Tĩnh, Phó trưởng Bộ môn Nội.
- BSCKII. Ngô Văn Điền, Giảng viên Bộ môn Nội.

MỤC TIÊU MÔN HỌC: Sau khi kết thúc môn học, học viên có khả năng

1. Phân tích được quá trình hoá già, đặc điểm bệnh, bệnh lý người cao tuổi.
2. Quản lý được sức khỏe người cao tuổi tại cơ sở điều trị.

NỘI DUNG HỌC TẬP

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
1.	Một số điểm mấu chốt về pháp lệnh người cao tuổi	2	2	0
2.	Dân số người cao tuổi, quá trình hoá già	6	4	2
3.	Vấn đề bệnh tật ở người cao tuổi	7	4	3
4.	Vấn đề khám bệnh ở người cao tuổi	6	3	3
5.	Quản lý bệnh lý tim mạch ở người cao tuổi	17	10	7
6.	Chương trình dự phòng các yếu tố nguy cơ gây bệnh tim mạch	18	10	8
7.	Vấn đề loãng xương ở người cao tuổi	9	5	4
8.	Tổ chức phục vụ người cao tuổi	7	4	3
9.	Quản lý bệnh tâm thần kinh ở người cao tuổi	9	5	4
10.	Quản lý bệnh nội khoa khác ở người cao tuổi	7	4	3
11.	Vấn đề ung thư người cao tuổi	8	4	4
12.	Quản lý, điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng bệnh nhân người cao tuổi	9	5	4
	Tổng	105	60	45

1. **Phương pháp giảng dạy:** Trình bày, nêu vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp

2. **Phương pháp lượng giá:** Thi viết cải tiến

3. **Tài liệu học tập**

Tài liệu phát tay, Khoa y tế công cộng. Đại học y dược HP

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bách khoa người cao tuổi. - H. : Từ điển bách khoa, 2005. - 716tr. ; 21cm
2. Bệnh Alzheimer : Phạm Khuê. - H. : Y học, 2002. - 267tr. ; 23cm.
3. Bệnh học lão khoa - từ đại cương tới thực hành lâm sàng / Phạm Khuê. - H. : Khoa học kỹ thuật, 2013. - 394tr. ; 24cm
4. Bệnh học nội khoa ở người cao tuổi / Phạm Khuê, Phạm Thắng. - Lần 2. - H.: Y học, 1998. - 432 tr.; 19 cm.
5. Bệnh học tuổi già / Phạm Khuê. - Lần 4 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Y học, 1998. - 412 tr.; 19 cm
6. Bệnh học tuổi già T2 / Phạm Khuê. - H. : Y học, 1983. - T2:126 tr.;19 cm
7. Bệnh loãng xương ở người cao tuổi : Tài liệu giảng dạy sau đại học / Trần Đức Thọ. - H.: Y học, 1998. - 80 tr.; 19 cm.
8. Bệnh parkinson. - H. : Y học, 2001
9. Cẩm nang dự phòng một số bệnh tim mạch ở người cao tuổi / Quách Tuấn Vinh. - H. : Văn hoá dân tộc, 2000. – 126tr. ; 19 cm.
10. Cấp cứu lão khoa / Phạm Khuê. - H. : Y học, 1993. - 374 tr. ; 19 cm.
11. Chăm sóc bệnh nhân tim mạch có tuổi / Viện bảo vệ sức khoẻ người có tuổi. - H. : Y học, 1993. - 286 tr. ; 19 cm
12. Chăm sóc người có tuổi / Phạm Khuê. - H. : Y học, 1993. - 72 tr.; 19 cm
13. Đề phòng tai biến mạch máu não ở người cao tuổi / Phạm Khuê. - In lần thứ 2. - H. : Y học, 1992. - 172 tr. ; 19 cm.
14. Dùng thuốc với người cao tuổi / Hoàng Tích Huyền. - H. : Y học, 1999. - 116 tr. ; 19 cm.
15. Dùng thuốc với người có tuổi : Hoàng Tích Huyền. - H. : Y học, 1992. - 116 tr.; 19 cm.
16. Lão khoa đại cương. - H. : Y học, 1990. - 424 tr. ; 19 cm
17. Sức khoẻ và tuổi thọ / Ngô Hy. - Tái bản có bổ sung. - H.: Y học, 1998. - 96 tr.; 19 cm
18. Tâm lý người cao tuổi và biện pháp thích nghi / Nguyễn Quang Thái. - Đồng Nai : Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2002. – 278tr. ; 19cm.
19. Tăng huyết áp ở người có tuổi / Phạm Khuê. - H. : Y học, 1993. - 72 tr.; 19 cm

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng

CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ / DỰ ÁN Y TẾ

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 7 (4/3)

Số tiết học : 105 (60/45)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- GS. TS. Trương Việt Dũng, Đại học Y Hà nội.
- TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- BSCKII. Nguyễn Bá Dụng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.

3. Mục tiêu môn học

1. Trình bày được mục tiêu nội dung các chỉ số cần giám sát của một số chương trình YTQG, thu nhập thông tin y tế.
2. Tổ chức triển khai thực hiện một số chương trình YTQG tại địa phương.
3. Đánh giá kết quả, hiệu quả của các chương trình YTQG tại địa phương.
4. Phác thảo được một đề cương dự án về sức khỏe.
5. Theo dõi, đánh giá được các hoạt động, kết quả và hiệu quả của các dự án y tế tại địa phương.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
1.	Đại cương các chương trình quản lý y tế	13	8	5
2.	Chương trình củng cố mạng lưới y tế cơ sở	13	8	5
3.	Chương trình nước sạch	13	8	5
4.	Chương trình phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp trẻ em	13	8	5
5.	Chương trình phòng chống các bệnh dinh dưỡng	13	8	5
6.	Nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch dự án	20	10	10
7.	Đánh giá hiệu quả dự án	20	10	10
	Tổng	105	60	45

5. Phương pháp dạy học:

- + Lý thuyết: Trình bày, nêu vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- + Thực hành: Làm bài tập, Thực tập cộng đồng.

6. Phương pháp lượng giá: Thi viết cải tiến, nghiên cứu trường hợp.

7. Tài liệu học tập

8. Tài liệu tham khảo:

1. Quản lý y tế. Bộ Y tế - Tổ chức y tế Thế giới . Nhà xuất bản Y học. HN 2006

2. Bài giảng quản lý và chính sách y tế: Dành cho đối tượng sau đại học / Trương Việt Dũng. - H. : Y học, 2002. – 319tr. ; 27 cm
 3. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Môn Tổ chức Y tế . Bài giảng Quản lý và chính sách y tế (Dành cho học viên sau đại học). Nhà xuất bản Y học 2002.
 4. BCHTW. Chỉ thị số 06-CT/TƯ. 2002. về củng cố hoàn thiện mạng lưới YTCS
 5. BCHTW. Thông báo số 126-TB/TƯ. Ngày 01/04/2013. Kết luận của Ban bí thư về 10 năm thực hiện chỉ thị số 06/CT-TƯ. Về việc triển khai củng cố hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở
 6. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chỉ thị 06-CT/TƯ của BHYT về củng cố hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.
 7. Quyết định số 2348/QĐ-TTg, ngày 05/12/2016. Của Thủ tướng Chính phủ,Phê duyệt đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới
 8. Bộ Y tế : Chương trình hành động số 1379/CT-BYT, ngày 19/12/2017
 9. Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg, ngày 25/08/2000 của Thủ tướng CP phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến 2020.
 10. BHYT. QĐ số 718/QĐ-BYT, ngày 29/01/2018. Phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2020.
 11. Quyết định số 226/QĐ-TTg, ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030.
 12. Xây dựng và triển khai các dự án y tế / Bộ y tế. Vụ khoa học và đào tạo. - H. : Y học, 2004. - 357tr. ; 19 cm
 13. Bộ Y tế: Kế hoạch hành động quốc gia vì sự sống còn của trẻ em giai đoạn 2009-2015.
 14. Nghị định số 113/2009/NĐ-CP. của Chính phủ về giám sát và đánh giá dự án
- Chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng

QUẢN LÝ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH Y TẾ

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 7 (4/3)

Số tiết học : 105 (60/45)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- GS. TS. Trương Việt Dũng, Đại học Y Hà nội.
- TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- BSKII. Nguyễn Bá Dũng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng

3. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày các hệ thống tổ chức và nội dung hoạt động thanh tra nhà nước và y tế.
2. Xây dựng đội ngũ và tổ chức được các hoạt động thanh tra y tế ở địa phương.
3. Trình bày nội dung và hệ thống tổ chức của bảo hiểm y tế.
4. Xây dựng và quản lý được hệ thống bảo hiểm y tế ở địa phương.
5. Trình bày được những điều cơ bản của luật môi trường, luật bảo vệ sức khỏe nhân dân.
6. Tổ chức, hướng dẫn thực hiện được các điều của luật bảo vệ sức khỏe tại địa phương.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
1.	Tổ chức thanh tra nhà nước về y tế	4	2	2
2.	Nhiệm vụ quyền hạn và tiêu chuẩn thanh tra y tế	4	2	2
3.	Nội dung hình thức, phương pháp và trình tự thanh tra	5	3	2
4.	Trách nhiệm của nhà nước và xã hội đối với công tác thanh tra	4	2	2
5.	Điều lệ thanh tra nhà nước về y tế	7	4	3
6.	Các nguyên tắc cơ bản của Bảo hiểm xã hội (BHXH)	5	3	2
7.	Các chế độ BHXH	5	3	2
8.	BHYT ở Việt Nam	5	3	2
9.	Nhiệm vụ tổ chức bảo hiểm y tế Việt Nam (BHYTVN)	7	4	3
10.	Điều lệ hoạt động BHYTVN	10	6	4
11.	Đổi mới tổ chức hoạt động BHYTVN	5	3	2
12.	Hệ thống quản lý nhà nước và pháp luật XHCN	5	3	2
13.	Luật bảo vệ môi trường	10	6	4
14.	Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân	7	4	3
15.	Điều kiện khám chữa bệnh và phục hồi chức năng	7	4	3
16.	Điều lệ thuốc phong và chữa bệnh	7	4	3
17.	Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân- Luật Khám CB	4	2	2

18.	Các văn bản dưới luật khác	4	2	2
	Tổng	105	60	45

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Trình bày, thảo luận nhóm, Case study, tự học.
- Thực hành: Thực tập tại cộng đồng, làm bài tập theo chủ đề.

1. Phương pháp lượng giá:

- Lý thuyết: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.
- Thực hành: Đánh giá bài viết chủ đề.

6. Tài liệu học tập: Bài giảng Quản lý việc thực hiện các chính sách y tế

7. Tài liệu tham khảo:

1. Luật bảo hiểm y tế (2011), Luật BHXH (2014), Luật Thanh tra (2008)
 2. Luật bảo vệ môi trường (2005), sửa đổi 2014
 3. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và các điều lệ áp dụng luật / Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. - H.:Y học, 1991. - 105 tr.;19 cm
 4. Các văn bản về BHYT, BHXH, Thanh tra y tế
 5. Luật Khám chữa bệnh (2009)
 6. Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân (1989), sửa đổi 2003
 - 7..Một số vấn đề xây dựng ngành Y tế phát triển ở Việt Nam.Đỗ Nguyên Phương. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.1998.
 8. Asean GMP. The United Kingdom of Great Britain.1993.
 9. ISO 8402.1994.
 10. Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam. Học viện Chính trị quốc gia HCM.1994.
 - 11.Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội.1995.
 12. Bộ Y Tế. Quản lý chất lượng bệnh viện, Nhà xuất bản y học 2009
 13. Quản lý hệ thống y tế. Nhà xuất bản Y học .1994.
 14. Kinh tế y tế cho các nước đang phát triển. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.1994.
 - 15.Tập hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về y tế 2009. - H. : Y học, 2010. - 1039 tr. ; 27 cm.
 16. Bộ Y tế. Vụ pháp chế: Thông tin phổ biến giáo dục pháp luật về y tế, nhà xuất bản y học (ấn phẩm ra hàng quý)
 - . Bộ Y Tế. Quản lý chất lượng bệnh viện, Nhà xuất bản y học 2009
 - 17.Bộ y tế. Nguyên lý quản lý chất lượng bệnh viện, Nhà xuất bản y học 2009
- Chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Y tế công cộng , Trường ĐHYD Hải Phòng

QUẢN LÝ CÁC NGUỒN LỰC Y TẾ

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 8 (4/4)

Số tiết học : 120 (60/60)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- BSKII. Nguyễn Bá Dũng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng

3. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những khái niệm, nguyên tắc cơ bản và hiện đại về quản lý y tế.
2. Trình bày được các phương pháp quản lý các nguồn lực y tế: Nhân lực, tài chính, chuyên môn, thông tin, trang thiết bị y tế... theo quan điểm chất lượng toàn diện
3. Thực hành kỹ năng huy động, sử dụng và thay thế các nguồn lực để xây dựng được kế hoạch y tế khả thi, tăng cường chất lượng và quản lý y tế.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH
1.	Đại cương về Y tế công cộng và quản lý y tế	12	6	6
2.	Hành vi tổ chức. Quyền lực và sự lãnh đạo	12	6	6
3.	Quản lý theo quan điểm chất lượng toàn diện (TQM-COPE)	12	6	6
4.	Quản lý nhân lực y tế	12	6	6
5.	Quản lý công tác chuyên môn về y tế	12	6	6
6.	Quản lý tài chính y tế	4	2	2
7.	Quản lý vật tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, thuốc	8	4	4
8.	Quản lý thông tin y tế	4	2	2
9.	Tổ chức quản lý, giám sát, theo dõi và đánh giá các hoạt động y tế tại các cơ sở	12	6	6
10.	Quản lý kế hoạch y tế khả thi	12	6	6
	Tổng	120	60	60

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Trình bày, thảo luận nhóm, Case study, tự học.
- Thực hành: Thực tập tại cộng đồng, làm bài tập theo chủ đề.

6. Phương pháp lượng giá:

- Lý thuyết: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.
- Thực hành: Đánh giá bài viết chủ đề.

7. Tài liệu học tập: Bài giảng: Quản lý các nguồn lực y tế

8. Tài liệu tham khảo:

1. Định hướng chiến lược chăm sóc và bảo vệ SKND năm 1996 – 2020 Bộ y tế. Nhà xuất bản Y học 1996.
2. Quản lý y tế. Bộ Y tế - Tổ chức y tế Thế giới . Nhà xuất bản Y học. HN 2006
3. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Môn Tổ chức Y tế . Bài giảng Quản lý và chính sách y tế (Dành cho học viên sau đại học). Nhà xuất bản Y học 2002.
4. Quản lý chất lượng toàn diện. Trường cán bộ quản lý Y tế Bộ Y tế Hà Nội. Nhà xuất bản Y học 1999.
5. Bộ Y Tế. Phát triển nhân lực y tế ở tuyến tỉnh. Nhà xuất bản Y học 2010
6. Bộ Y tế. Nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành y tế. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội, Năm 2014.
7. Bộ Y Tế. Biểu mẫu báo cáo thống kê bệnh tật. Bảng phân loại Quốc tế bệnh tật lần thứ mười, (ICD-10), Anh –Việt, Hà Nội 1997.
8. Dự án thành phần Chính sách Y tế (Chương trình hợp tác Việt Nam- ThụyĐiển) Định Hướng Chính sách tài chính y tế tổng thể tại Việt Nam. NXB Y học, năm 2007.
9. Bài giảng quản lý và chính sách y tế: Dành cho đối tượng sau đại học / Trương Việt Dũng. - H. : Y học, 2002. – 319tr. ; 27 cm
10. Xây dựng và triển khai các dự án y tế / Bộ y tế. Vụ khoa học và đào tạo. - H. : Y học, 2004. - 357tr. ; 19 cm
11. Y tế cộng đồng : Community Health / Nghiêm Xuân Đức. - H. : Y học, 1996. - 228 tr. ; 21 cm.
12. Tài liệu về quản lý hệ thống y tế = Reading in hearth system management / Remigio d.Mercado MD,MPH. - H. : Y học, 1994. - 340 tr. ; 19 cm.
13. Rosemary M. Elizabeth B. Maurice B. Quản lý các nguồn lực cho cán bộ đương nhiệm WHO. Nhà xuất bản Y học 1992.
14. Trường Đại Học Y Dược Thái Bình, Tài liệu học tập : Quản lý chất lượng toàn diện (Dành cho đối tượng sau đại học)
15. Quản lý chất lượng trong cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng : Tài liệu chuyên khảo cho các học viên sau đại học và các nhà quản lý y tế / Vũ Khắc Lương. - H. : Y học, 2015. - 238tr. ; 27cm.
16. Trường Đại Học Y Hải phòng. Tài liệu tập huấn “ Quản lý và lãnh đạo”, cho cán bộ quản lý, năm 2010.

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG Y TẾ

1. Thông tin về môn học:

Số ĐVHT: 7 (4/3)

Số tiết học : 105 (60/45)

Số chứng chỉ : 1

2. Cán bộ giảng dạy môn học:

- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng
- BSKII. Nguyễn Bá Dụng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng

3. Mục tiêu môn học

1. Trình bày được các nguyên lý và kỹ thuật dịch tễ học dùng để đánh giá các hoạt động y tế.
2. Thiết kế và triển khai được các nghiên cứu đánh giá hiệu lực và hiệu quả của các chương trình y tế Quốc gia tại địa phương.
3. Đề xuất các giải pháp can thiệp hữu hiệu đối với các vấn đề sức khỏe tại địa phương.

4. Nội dung học tập

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
	Một số nguyên lý và kỹ thuật dịch tễ học			
1.	Phương pháp nghiên cứu tương quan	5	3	2
2.	Phương pháp nghiên cứu quan sát	5	3	2
3.	Phương pháp nghiên cứu can thiệp	5	3	2
4.	Phối hợp các phương pháp nghiên cứu	5	3	2
5.	Lựa chọn phương pháp nghiên cứu	5	3	2
6.	Thiết kế nghiên cứu	5	3	2
	Đánh giá dịch tễ học	2		2
7.	Mục tiêu và nguyên tắc đánh giá dịch tễ học	5	3	2
8.	Chu trình kế hoạch hoá và đánh giá các hoạt động y tế	5	3	2
9.	Đo lường hiệu lực các can thiệp khác nhau	5	3	2
10.	Các yếu tố làm sai lệch kết quả và phương pháp nghiên cứu	5	3	2
11.	Lựa chọn phương pháp can thiệp hữu hiệu	5	3	2
	Đánh giá kinh tế học	3		3
12.	Đánh giá chức năng	6	3	3
13.	Đánh giá kinh phí cho phương tiện và nhân lực	6	3	3
14.	Đánh giá các hoạt động y tế	6	3	3
15.	Giá thành - lợi ích	6	3	3
16.	Giá thành - hiệu quả	6	3	3

17.	Hiệu lực, hiệu quả của một số chương trình y tế Quốc gia	7	4	3
	Tổng	105	60	45

5. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết: Thuyết trình, nêu vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp.
- Thực hành: Thực tập tại cộng đồng, làm bài tập.

6. Phương pháp lượng giá:

- Lý thuyết: Viết thu hoạch theo chủ đề.
- Thực hành: Làm tiểu luận.

7. Tài liệu học tập

1. Bài giảng Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học. Khoa YTCC, Trường đại học y dược Hải Phòng
2. Dịch tễ học, Trường đại học y dược Hải Phòng 2012
3. Tài liệu phát tay sử dụng cho môn học

8. Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học, nhà xuất bản Y học – Hà Nội 1999
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học lâm sàng, nhà xuất bản Y học Hà Nội 1997.
3. Nghiên cứu khoa học y học / Lưu Ngọc Hoạt. - H. : Y học, 2016. - 99tr. ; 27cm. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu / Lưu Ngọc Hoạt. - 99tr.
4. Nghiên cứu khoa học y học. - Tái bản lần 1 có bổ sung. - H. : Y học, 2016. - 185tr. ; 27cm. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. - 185tr.
5. Dịch tễ học : Sách đào tạo sau đại học / Vũ Thị Hoàng Lan. - H. : Y học, 2011. - 202 tr. : minh hoạ ; 27 cm
6. Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1998. – 228tr ; 19cm.
7. Dịch tễ học lâm sàng : T.1. - H. : Y học, 2006. – 261tr. : Hình vẽ
8. Dịch tễ học lâm sàng : T1 / Dương Đình Thiện. - H. : Y học, 1997. - 247 tr.; 24 cm
9. Dịch tễ học lâm sàng : Tập 2. - H. : Y học, 2004. – 347tr. : hình vẽ, bảng
10. Dịch tễ học liệt mềm cấp do vi rút đường ruột ở trẻ em miền Bắc, Việt Nam : Sách chuyên khảo. - H. : Y học, 2016. - 95tr. ; 27cm
11. Dịch tễ học một số bệnh thường gặp / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1996. - 237 tr.; 24 cm
12. Dịch tễ học từng bệnh Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch. - H. : Y học, 1981. - 211 tr. ; 21 cm
13. Epidémiologie principes et méthodes quantitatives. - Paris : Inserm, 1993. - 498p.; 19 cm
14. Basic epidemiology / Beaglehole, R.. - Geneva : WHO, 1993. - 175p.; 19cm
15. Biostatistics and epidemiology : Armen Khachatryan, M.D.. - McGraw - Hill : Health professions division, 1998. - 111 tr. ; 19 cm.

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHY dược Hải Phòng

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình

- Chương trình đào tạo chuyên khoa cấp II Quản lý y tế được xây dựng theo khung chương trình ban hành tại Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế
- Các môn học chung có 03 môn học với tổng số 12 ĐVHT/210 tiết trong đó 10 ĐVHT lý thuyết/150 tiết và 2 ĐVHT thực hành/60 tiết.
- Các môn cơ sở và hỗ trợ có 02 môn học với 12 ĐVHT/255 tiết trong đó 7 ĐVHT lý thuyết/105 tiết và 5 ĐVHT thực hành/150 tiết.
- Các môn học chuyên ngành có 07 môn học với tổng số 51 ĐVHT/1110 tiết, trong đó 28 ĐVHT lý thuyết/420 tiết và 23 ĐVHT thực hành/690 tiết.
- Luận văn tương đương 25 ĐVHT.

2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian : theo khung quy định

- Học viên trúng tuyển sẽ được gọi nhập học tập trung vào tháng 9 hàng năm.
- Phân bố quỹ thời gian của khoá học

Học kỳ	Học tập	Thi	Nghỉ hè	Dự trữ	Tổng số
I	18	3	2	1	24
II	18	3	6	0	27
III	17	3	2	1	23
IV	17	3	6	1	27
Tổng số	70	12	16	3	101

- Số tiết học chúng tôi quy ước như sau:
 - + 1 ĐVHT lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết
 - + 1 ĐVHT thực hành = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành

3. Thực hành

- Giảng trên giảng đường và phòng thí nghiệm kết hợp với học và tiến hành các nghiên cứu trên thực địa:
 - Tại cộng đồng: Kết hợp với:
 - + Trung tâm y tế huyện/ quận
 - + Trung tâm y tế dự phòng tỉnh/ thành phố.
 - Tại các viện và trung tâm chuyên sâu:
 - + Trung tâm da liễu
 - + Trung tâm kiểm dịch quốc tế Hải Phòng
 - + Viện Lao và bệnh phổi Hải Phòng
 - + Trung tâm truyền thông bảo vệ sức khỏe sinh sản Hải Phòng.
 - + Viện y học biển Việt Nam

4. Kiểm tra và thi tốt nghiệp

- Các chứng chỉ chuyên ngành

- Mỗi chứng chỉ gồm có 2 phần: Lý thuyết và thực hành. Sau khi học xong phần lý thuyết tại trường, học viên sẽ đi thực tập tại cộng đồng theo từng chuyên đề. Sau khi thực tập xong học viên phải làm 1 tiểu luận dài khoảng 10 – 15 trang (đánh máy trên giấy A4)
- Thi hết chứng chỉ: Sau khi đã hoàn thành xong phần thực hành, sẽ thi phần lý thuyết. Điểm của từng chứng chỉ bao gồm điểm lý thuyết và điểm thực hành (tiểu luận) độc lập.
- **Thực hiện luận văn tốt nghiệp:** Cuối học kỳ II, học viên được giao đề tài làm luận văn. Sau khi đề cương đã được thông qua, học viên sẽ tiến hành làm luận văn từ đầu học kỳ III. Cuối học kỳ IV học viên phải hoàn thành luận văn. Nội dung của luận văn là các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý y tế. Luận văn được thực hiện tại trường hoặc tại học viên đang công tác. Luận văn dài tối thiểu 80 trang (đánh máy trên giấy A4). Bố cục của luận văn theo quy định chung của Bộ.
- **Cách tính điểm:** thực hiện theo Công văn số 6698/YT-K2ĐT ngày 13/9/2004 của Bộ Y tế về việc xếp loại tốt nghiệp sau đại học trong lĩnh vực y tế.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

DANH SÁCH CÁN BỘ GIẢNG DẠY CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH

1. CÁN BỘ CƠ HỮU – CÁN BỘ TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

- 1.1. GS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu, giảng viên Khoa Y tế công cộng
- 1.2. PGS.TS. Phạm Văn Hán, Trưởng Khoa Y tế công cộng
- 1.3. PGS.TS. Nguyễn Thị Dung, Phó trưởng Bộ môn Nội
- 1.4. PGS.TS. Dương Thị Hương, Phó trưởng Khoa Y tế công cộng
- 1.5. PGS. TS. Đỗ Thị Tính, Phó trưởng Bộ môn Nội
- 1.6. BSKH. Ngô Văn Điền, Giảng viên Bộ môn Nội
- 1.7. PGS.TS. Nguyễn Văn Học, Trưởng Bộ môn Sản và Phụ khoa
- 1.8. TS. Ngô Thị Uyên, Phó trưởng bộ môn Sản và phụ khoa
- 1.9. BSKH. Nguyễn Bá Dụng, Phó trưởng Khoa Y tế công cộng
- 1.10. PGS. TS. Phạm Minh Khuê - Trưởng Khoa Y tế công cộng
- 1.11. PGS.TS Phạm Văn Mạnh – Trưởng Bộ môn Tâm thần

Giảng viên kiêm chức

- 1.12. TS. Lê Thị Song Hương, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng HP.
- 1.13. TS. Phạm Mạnh Cường, Phó Giám đốc trung tâm Y tế dự phòng HP.
- 1.14. TS. Vũ Đức Long, Phó Giám đốc trung tâm Y tế dự phòng HP.
- 1.15. PGS.TS Trương Tuyết Mai- Viện dinh dưỡng

2. CÁN BỘ THỈNH GIẢNG – CÁN BỘ NGOÀI TRƯỞNG

- 2.1. TS. Trần Chí Liêm, Đại học Y Hà nội.
- 2.2. GS.TS. Trương Việt Dũng, Đại học Y Hà nội.
- 2.3. TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- 2.4. GS.TS. Phạm Thị Minh Đức, Đại học Y Hà nội.
- 2.5. PGS.TS. Đinh Hữu Dung, Đại học Y Hà nội.
- 2.6. TS. Chu Văn Thắng, Đại học Y Hà nội.
- 2.7. ThS. Nguyễn Văn Hiếu, Trưởng chính trị Tô Hiệu Hải phòng.

DANH SÁCH CÁN BỘ GIẢNG DẠY TỪNG MÔN HỌC

1. CÁC MÔN HỌC CHUNG

1.1. Tin học nâng cao:

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng, Đại học Y Dược Hải Phòng.
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung, Đại học Y Dược Hải Phòng.

1.2. Phương pháp dạy học

- PGS.TS. Nguyễn Thị Dung – Trưởng đơn vị Phương pháp giảng dạy - Trường ĐHYD Hải Phòng.
- PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi - Giảng viên đơn vị Phương pháp giảng dạy- Trường ĐHYD Hải Phòng.
- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng – Giảng viên đơn vị Phương pháp giảng dạy - Trường ĐHYD Hải Phòng.

1.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học y học

- GS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược Hải Phòng.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Đơn vị Phương pháp Nghiên cứu khoa học -Đại học Y dược Hải Phòng.
- PGS.TS. Chu Văn Thắng, Đại học Y Hà nội
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng
- PGS. TS. Phạm Minh Khuê - Đơn vị Phương pháp Nghiên cứu khoa học - Đại học Y dược Hải Phòng

2. MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ

2.1. Quản lý hành chính Nhà nước

- ThS. Nguyễn Văn Hiếu, Trưởng chính trị Tô Hiệu Hải Phòng

2.2. Dân số và kế hoạch hoá gia đình

- TS. Trần Chí Liêm, Đại học Y Hà nội.
- PGs. TS. Nguyễn Văn Học. Đại học Y Dược Hải Phòng.
- TS. Ngô Thị Uyên – Bộ môn Sản phụ khoa - Đại học Y dược Hải Phòng.

3. MÔN CHUYÊN NGÀNH

3.1. Quản lý sức khỏe cộng đồng

- GS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu, Đại học Y dược Hải Phòng.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng.
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng

3.2. Quản lý sức khỏe sinh sản

- PGS.TS. Nguyễn Văn Học Đại học Y dược Hải Phòng.
- TS. Ngô Thị Uyên – Bộ môn Sản phụ khoa - Đại học Y dược Hải Phòng.
- PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng

3.3. Quản lý sức khỏe người cao tuổi

- PGS. TS. Chu Văn Thắng, Đại học Y Hà nội.
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng
- PGS.TS. Nguyễn Thị Dung, Phó trưởng Bộ môn Nội.
- PGS. TS. Đỗ Thị Tính, Phó trưởng Bộ môn Nội.
- BSKH. Ngô Văn Diễm, Giảng viên Bộ môn Nội.

3.4. Các chương trình Y tế / Dự án Y tế

- GS. TS. Trương Việt Dũng, Đại học Y Hà nội.
- TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- BSCKII. Nguyễn Bá Dũng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.

3.5. Quản lý thực hiện chính sách Y tế

- GS. TS. Trương Việt Dũng, Đại học Y Hà nội.
- TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- BSCKII. Nguyễn Bá Dũng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng

3.6. Quản lý các nguồn lực Y tế

- TS. Nguyễn Duy Luật, Đại học Y Hà nội.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- BSCKII. Nguyễn Bá Dũng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.

3.7. Đánh giá các hoạt động y tế

- PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng.
- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng
- BSCKII. Nguyễn Bá Dũng, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Hải phòng

MẪU 2

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ GIẢNG DẠY
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
VÀ TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HẢI PHÒNG**

1. Trường Đại học Y Hải phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Kính hiển vi huỳnh quang có chụp ảnh	Cái	1
2.	Máy siêu âm chẩn đoán	Cái	1
3.	Máy xét nghiệm huyết học	Cái	1
4.	Máy điện tim	Cái	1
5.	Máy siêu âm điều trị	Cái	1
6.	Máy thăm dò chức năng hô hấp	Cái	1
7.	Máy đo quang	Cái	1
8.	Máy điện di	Cái	1
9.	Máy PH	Cái	1
10.	Bộ đo tỷ trọng	Cái	1
11.	Máy đo tốc độ gió	Cái	1
12.	Máy đo tiếng ồn	Cái	1
13.	Nồi cách thủy	Cái	1
14.	Máy đo không khí GX-86	Cái	1
15.	Máy bụi P-5H2	Cái	1
16.	Máy phân tích nước DR-2000	Cái	1
17.	Bộ siêu màu tử clo dư và clo tổng số hiệu Palintest	Bộ	1
18.	Máy đo ánh sáng hiệu Hioki (Lux Hitester)	Cái	1
19.	Dàn Elosa	Bộ	1
20.	Máy vi tính nối mạng toàn quốc	Bộ	1
21.	Máy đo tiếng ồn Rion	Cái	2
22.	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1
23.	Máy đo điện tim	Cái	1
24.	Máy đo điện	Cái	1
25.	Máy đo bụi	Cái	1
26.	Máy đo hơi khí	Cái	1

2. Trung tâm y tế dự phòng Hải phòng

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	* Phòng hoá nước - thực phẩm		
1.	Cân kỹ thuật	Cái	1
2.	Cân phân tích	Cái	2
3.	Thiết bị cát đạm	Cái	1
4.	Máy lắc ngang	Cái	1
5.	Máy khuấy từ	Cái	1
6.	Bộ sắc ký lớp mỏng	Cái	1
7.	Máy UV – vít	Cái	1
8.	Lò nung	Cái	1
9.	Hút hút hơi độc	Cái	1
10.	Tủ sấy 101-1	Cái	1
11.	Tủ sấy DX-41	Cái	1
12.	Tủ sấy	Cái	1
13.	Máy chất béo SOXHLET	Cái	1
14.	Máy đo độ ẩm	Cái	1
15.	Tủ điều nhiệt	Cái	1
16.	Bộ vô cơ hoá và phân hút hơi độc	Cái	1
17.	Máy đo BOD	Cái	1
18.	Máy cất nước 2 lần	Cái	1
19.	Máy sinh hoá	Cái	1
20.	Sắc ký lỏng cao áp	Cái	1
	* Phòng vi sinh nước - thực phẩm		
21.	Bộ xét nghiệm nước	Cái	1
22.	Quầy lạnh 1151	Cái	1
23.	Quầy lạnh 1421	Cái	1
24.	Nồi cách thuỷ	Cái	1
25.	Tủ lạnh	Cái	1
26.	Tủ lạnh	Cái	1
27.	Tủ ấm	Cái	1
28.	Tủ ấm	Cái	1
29.	Tủ ấm UNICEF	Cái	1
30.	Máy hút chân không	Cái	1
31.	Máy hút chân không	Cái	1
32.	Máy hút chân không	Cái	1
33.	Nồi cách thuỷ	Cái	1
34.	Kính hiển vi	Cái	1
	* Phòng vi sinh gây bệnh		
35.	Dàn ELISA	Cái	1
36.	Dàn ELISA	Cái	1
37.	Hút an toàn sinh học	Cái	1
38.	Tủ lạnh	Cái	1

39.	Tủ sấy	Cái	1
40.	Tủ sấy	Cái	1
41.	Tủ âm	Cái	1
42.	Kính hiển vi	Cái	1
43.	Máy li tâm	Cái	1
	* Phòng môi trường		
44.	Máy hấp ướt	Cái	1
45.	Máy hấp ướt	Cái	1
46.	Cân kỹ thuật điện tử	Cái	1
47.	Quầy lạnh	Cái	1
48.	Tủ lạnh	Cái	1
49.	Tủ sấy	Cái	1
50.	Tủ sấy	Cái	1
	* Phòng xét nghiệm HIV/AIDS		
51.	Dàn ELISA	bộ	1
52.	Tủ lạnh	Cái	1
53.	Tủ lạnh	Cái	1
54.	Tủ lạnh	Cái	1
55.	Tủ lạnh	Cái	1
56.	Tủ lạnh – 20 C	Cái	1
57.	Tủ lạnh – 40 C	Cái	1
58.	Tủ lạnh âm	Cái	1
59.	Máy vi tính	Cái	2
60.	Máy in	Cái	2
61.	Nồi hấp TOMY	Cái	1
62.	Tủ sấy	Cái	2
63.	Tủ sấy	Cái	1
64.	Máy giặt	Cái	1
65.	Máy sấy quần áo	Cái	1
66.	Máy ly tâm	Cái	1
67.	Máy ly tâm	Cái	1
68.	Máy ly tâm	Cái	1
69.	Máy lắc RPR	Cái	1
70.	Máy lắc RPR	Cái	1
71.	Máy lắc serodia	Cái	1
72.	Máy lắc serodia	Cái	1
73.	Máy hút ẩm	Cái	1
74.	Máy hút ẩm	Cái	1
75.	Điều hoà	Cái	2
76.	Bình nóng lạnh	Cái	4
77.	Ôn áp	Cái	1
78.	Quạt treo tường	Cái	8
79.	Quạt cây	Cái	1
80.	Quạt thông gió	Cái	6
81.	Tủ nhôm kính	Cái	1

82.	Tủ nhôm kính	Cái	2
83.	Bếp điện 2 ngăn	Cái	1
84.	Bàn vi tính	Cái	1
85.	Bàn làm việc fooc	Cái	1
86.	Bàn làm việc gỗ	Cái	1
87.	Bàn làm việc gỗ	Cái	1
88.	Ghế xoay bọc vải	Cái	1
89.	Ghế xoay XN	Cái	10

MẪU 3
DANH MỤC SÁCH THAM KHẢO VÀ GIẢNG DẠY

STT	Tên sách	Tên tác giả/ Nước xuất bản	Năm XB
1.	Dịch tễ học các bệnh kiễm dịch quốc tế	Nguyễn Văn Hiếu	1998
2.	Luật bảo vệ SK nhân dân và các điều lệ áp dụng luật		1991
3.	Chăm sóc SK bà mẹ và KHHGD	Bộ Y tế - Vụ BVSKBM & TE KHHGD	1994
4.	Kế hoạch bài giảng bà mẹ & trẻ em - KHHGD	03 – SIDA	1992
5.	Giảng dạy nhân viên chăm sóc sức khoẻ	FRES ABBATT ROSE MARYMCMAHAN 03 SIDA	1992
6.	Nghiên cứu quốc gia thiết yếu về sức khoẻ và xác định ưu tiên. Những bài học		1997
7.	CSSKBD những ý niệm và thử thách trong một thế giới biến chuyển: Trở lại Alma-alta	Dự án Việt nam - Hà lan: Đẩy mạnh giảng dạy ở 4 trường khoa Y	1998
8.	Dịch tễ học dành cho các nhà quản lý về y tế	REMIGIOD, MERCADO 03-SIDA	1994
9.	Hướng dẫn quản lý dành cho những người phụ trách chăm sóc sức khoẻ tuyến đầu cấp trung gian	ROSE MARYMCMAHON EUZABETH BARTON MAURICE PIOT	1991
10.	Kinh tế y tế cho các nước đang phát triển, một công cụ sống còn	O3 – SIDA ANNEMILLS AND LUCY GILSON	1994
11.	Phương pháp học trong nghiên cứu sức khoẻ	GS. YUNGHAN PAIK GS. UNG RING KO GS. KAMINI MOHAN PATWARY	1993
12.	Tăng cường kỹ năng quản lý y tế tỉnh - huyện - Tập I	Bộ Y tế - Vụ Khoa học & Đào tạo	1994
13.	Các phương pháp nghiên cứu trong y học cộng đồng	Bộ Y tế - Vụ Khoa học & Đào tạo	1993
14.	Y tế công cộng	SIDA-IDEVELOP	1996
15.	Bảo vệ bà mẹ & trẻ em và kế hoạch hoá gia đình	Bộ Y tế - 03 SIDA	1992
16.	Pháp triển giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ ngành y tế theo nghị	Bộ Y tế - Vụ Khoa học & Đào tạo- TT XHH y	1997

	quyết Trung ương II	tế ENHR VN	
17.	Cung cấp thuốc thiết yếu để chăm sóc sức khỏe cho đối tượng chính sách, người nghèo, vùng nghèo	Bộ Y tế	1996
18.	Khám chữa bệnh cho người nghèo	Bộ Y tế	1996
19.	Sơ lược lịch sử y tế Việt nam - Tập I	Bộ Y tế	1996
20.	Quản lý hoạt động tiếng ồn trạm y tế xã - Tập I	Bộ Y tế - SIDA	1993
21.	Tiêu chuẩn kỹ thuật của y tế xã - Tập II	Bộ Y tế - SIDA	1993
22.	Hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu	Bộ Y tế	1990
23.	Quản lý hành chính về bảo vệ môi trường	Việt Nam	1998
24.	Công nghệ môi trường	Việt Nam	1998
25.	Thực hành dịch tễ học	Đại học y Hà nội	1995
26.	Dịch tễ học một số bệnh thường gặp	Đại học y Hà nội	1996
27.	Vệ sinh – Môi trường – Dịch tễ học 1	Đại học y Hà nội	1997
28.	Vệ sinh – Môi trường – Dịch tễ học 2	Đại học y Hà nội	1997
29.	Vệ sinh môi trường	Đại học y Hà nội	1995
30.	Dịch tễ học lâm sàng	Đại học y Hà nội	1997
31.	Sổ tay Dịch tễ học cho cán bộ quản lý y tế huyện	Việt Nam	1992
32.	An toàn sức khỏe và điều kiện lao động	Việt Nam	1998
33.	Hướng dẫn thực hành thực địa chẩn đoán cộng đồng	Việt Nam	2002
34.	Sức khỏe nghề nghiệp vệ sinh lao động	Việt Nam	2002
35.	Sức khỏe lứa tuổi	Việt Nam	2002
36.	An toàn vệ sinh phóng xạ và X quang y tế	Việt Nam	1998
37.	Sổ tay vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe công nhân	Việt Nam	1999
38.	Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng	Việt Nam	1997
39.	Phát triển sự nghiệp y tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay	Việt Nam	1996
40.	Dinh dưỡng và sức khỏe trẻ em cộng đồng	Việt Nam	2000
41.	Bảng thành phần dinh dưỡng thực phẩm Việt nam	Việt Nam	2000
42.	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	Việt Nam	1996
43.	Tropical Medicine		1993
44.	Thực hành y học lao động	Việt Nam	1999
45.	Các điểm kiểm tra Ecgônômi	Việt Nam	2000
46.	Quản lý hành chính về môi trường	Việt Nam	1998
47.	Dinh dưỡng ứng dụng	Việt Nam	1999

48.	Thông kê y học	Việt Nam	1999
49.	Bách khoa thư bệnh học – Tập I	Việt Nam	1991
50.	Bách khoa thư bệnh học – Tập II	Việt Nam	1994
51.	Vệ sinh an toàn lao động	Việt Nam	1995
52.	Cung cấp nước sạch	Việt Nam	1995
53.	Bạn biết gì về AIDS	Việt Nam	1992
54.	Hướng dẫn về hội chứng SIDA và công tác sơ cứu ban đầu ở nơi làm việc	Việt Nam	1992
55.	Hội thảo quốc gia “SIDA và nạn mại dâm”	Việt Nam	1991
56.	Dịch tễ học can thiệp	Việt Nam	1991
57.	Tập huấn chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động	Việt Nam	1993
58.	Sổ tay điều trị bệnh ỉa chảy cấp	WHO	1990
59.	Kỹ năng giám sát và điều trị ỉa chảy	WHO	1990
60.	Kỹ năng giám sát: huấn luyện	WHO	1990
61.	Kỹ năng giám sát: các mục tiêu	WHO	1990
62.	Kỹ năng giám sát: lập kế hoạch và kiểm tra giám sát	WHO	1990
63.	Kỹ năng giám sát: đánh giá sự tiến triển và tóm tắt nội dung lớp học	WHO	1990
64.	Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng	Việt Nam	1991
65.	Các bệnh thiếu dinh dưỡng và sức khỏe cộng đồng ở Việt Nam	Việt Nam	1994
66.	Sốt rét học: Ký sinh trùng - chẩn đoán – lâm sàng – điều trị	Việt Nam	1996
67.	Viện dinh dưỡng – Một chặng đường phát triển	Việt Nam	1995
68.	Luận án thạc sĩ khoa học y dược: Nguyễn Thị Thanh Hương	Việt Nam	1997
69.	Luận án phó tiến sĩ khoa học y dược: Vũ Minh Hương	Việt Nam	1996
70.	Luận án phó tiến sĩ khoa học y dược: Phạm Thị Kim Thanh	Việt Nam	1996
71.	Luận án phó tiến sĩ khoa học y dược: Nguyễn Thị Tuyết Nga	Việt Nam	1996
72.	Luận văn tốt nghiệp chuyên khoa I : Trương Minh Sang	Việt Nam	1995
73.	Luận văn thạc sĩ hóa học y dược: Phùng Anh Khoa	Việt Nam	1995
74.	Sổ tay kiểm soát các bệnh truyền nhiễm	Việt Nam	1997
75.	Kỷ yếu công trình khoa học công nghệ 1994 - 1997	Việt Nam	1998
76.	Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế	Việt Nam	1998

77.	Lồng ghép nội dung liên quan về HIV/AIDS vào chương trình điều dưỡng cơ bản	Việt Nam	1995
78.	Bảng định loại muỗi họ Culicidae đến giống và bảng định loại muỗi Aede thường gặp ở Việt Nam	Việt Nam	1992
79.	Tài liệu phân loại bộ chét (Siphonaptera) ở Việt Nam	Việt Nam	1997
80.	Phân tích và đánh giá kết quả hoạt động của hệ thống giám sát lương thực – dinh dưỡng ở Việt Nam 1990-1995	Việt Nam	1996
81.	Tập huấn chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động	Việt Nam	1993
82.	Sổ tay điều trị bệnh ỉa chảy cấp	WHO	1990
83.	Kỹ năng giám sát và điều trị ỉa chảy	WHO	1990
84.	Kỹ năng giám sát: huấn luyện	WHO	1990
85.	Kỹ năng giám sát: các mục tiêu	WHO	1990
86.	Kỹ năng giám sát: lập kế hoạch và kiểm tra giám sát	WHO	1990
87.	Kỹ năng giám sát: đánh giá sự tiến triển và tóm tắt nội dung lớp học	WHO	1990
88.	Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng	Việt Nam	1991
89.	Các bệnh thiếu dinh dưỡng và sức khỏe cộng đồng ở Việt Nam	Việt Nam	1994
90.	Sốt rét học: Ký sinh trùng - chẩn đoán – lâm sàng – điều trị	Việt Nam	1996
91.	Phân tích và đánh giá kết quả hoạt động của hệ thống giám sát lương thực – dinh dưỡng ở Việt Nam 1990-1995	Việt Nam	1996
92.	Đặng Văn Ngữ - cuộc đời và sự nghiệp	Việt Nam	2000
93.	Vidal 1998 – Việt Nam	Pháp	1998
94.	Vidal 1999 – Việt Nam	Pháp	1999
95.	Vidal 1999 – Giúp trí nhớ	Pháp	1999
96.	Primary health care – Profile 1992	Thailand	1992
97.	Control of communicable diseases in man	Mỹ	1990
98.	Safe use of pesticides	WHO	1991
99.	WHO Expert committee on biological standardization	WHO	1995
100.	Evaluation of certain veterinary drug residues in food	WHO	1991
101.	Onchocerciasis and its control	WHO	1995
102.	Strategies for assessing the safety of foods produced by Biotechnology	WHO	1991
103.	The realization of primary health care	Thailand	1990

	in Thailand		
104.	WHO Export committee on biological standardization forty-eight report	WHO	1999
105.	Implementation of mid-decade goals for vietnamese children by 1995. Analysis and Evaluation	Việt Nam	1997
106.	Sécurité d emploi des pesticides	WHO	1991
107.	Evaluation des residus de certains medicaments vétérinaires dans les aliments	WHO	1995
108.	L onchocercose et la lutte anti onchocercarienne	WHO	1995
109.	Prise en charge des patients atteints de maladies sexuellement transmissibles	WHO	1991
110.	Vidal. 1995		199
111.	Vidal. 1006		1996
112.	Rapport sur la santé dans le monde	WHO	1998
113.	Tạp chí - ấn phẩm định kỳ		
114.	Thông tin quản lý y tế dự phòng (Bộ Y tế)	Việt Nam	1997
115.	Tạp chí vệ sinh phòng dịch	Việt Nam	1997
116.	Tạp san y dược Hải Phòng	Việt Nam	1998
117.	Tạp chí thông tin Y dược (Viện thông tin- Thư viện Y học TW)	Việt Nam	2001
118.	Tạp chí y học dự phòng (Hội Y học dự phòng)	Việt Nam	2000
119.	Tuần tin tức qua mạng Internet (Viện TT-TVYHTW)	Việt Nam	2001
120.	World health forum	WHO	1991 1998
121.	Forum mondial de la santé	WHO	1995 1998

MẪU 4

**4.1. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐÃ NGHIỆM THU BỘ MÔN Y TẾ CÔNG CỘNG - ĐH Y HẢI PHÒNG**

STT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Năm nghiệm thu
	Tại trường đại học y Hải phòng		
1.	Nghiên cứu một số đặc điểm bệnh bướu cổ đơn thuần vùng ven biển và hải đảo thành phố Hải Phòng	Bộ	2000
2.	Nghiên cứu đặc điểm bệnh dị ứng miễn dịch của những thuyền viên đi biển và những người sống ven biển tại Hải Phòng	Bộ	2000
3.	Một số đặc điểm sinh học của người Việt Nam lao động trên biển	Bộ	1996
4.	Tiêu chuẩn tuyển và giám định sức khỏe người lao động trên biển Việt Nam	Bộ	1996
5.	Xây dựng tiêu chuẩn tử thuốc và trang thiết bị y tế cho các cấp tàu biển Việt Nam	Bộ	
6.	Một số đặc điểm và huyết áp và bệnh tăng huyết áp của người đi biển khu vực phía Bắc Việt Nam	Bộ	1992
7.	Tình hình ô nhiễm tiếng ồn ở một số ngành nghề thuộc kinh tế biển		1992
8.	Nghiên cứu đặc điểm X quang lao phổi và viêm phổi	Cơ sở	1992
9.	Tình hình sức khỏe, bệnh tật của học sinh 7 – 15 tuổi xã Đặng Cương- An Hải- Hải Phòng năm 1998	Cơ sở	1999
10.	Tình hình bệnh tật của trẻ em huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh	Cơ sở	1999
11.	Một số đặc điểm lâm sàng bệnh dị ứng miễn dịch hay gặp và một số yếu tố nguy cơ liên quan đến tình trạng dị ứng của nhân dân huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh	Cơ sở	1999
12.	Một số chỉ tiêu nhân trắc của trẻ em huyện đảo Cô Tô Quảng Ninh	Cơ sở	1999
13.	Nghiên cứu tai nạn của trẻ em 0-5 tuổi tại cộng đồng 12 xã huyện An Hải, Hải Phòng năm 1998	Cơ sở	1999
14.	Nghiên cứu mô hình bệnh tật của trẻ em 6-15 tuổi tại huyện Kiến Thụy và Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Cơ sở	1999
15.	Điều tra nghiên cứu tình hình dị tật bẩm sinh của trẻ em từ 15 tuổi trở xuống ở 4 xã huyện Tiên Lãng- Hải phòng	Cơ sở	1999
16.	Tỷ lệ, nguyên nhân và một số yếu tố nguy cơ liên quan đến tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi tại cộng đồng 4 huyện ngoại thành, Hải Phòng	Cơ sở	1999

17.	Nâng cao nhận thức và thực hành vệ sinh răng miệng học sinh tiểu học thị trấn An Dương – An Hải – Hải Phòng	Cơ sở	1999
18.	Một số thay đổi về chỉ tiêu nhân trắc, huyết học và Vitamin A ở trẻ em viêm phổi 9-36 tháng ở ngoại thành Hải Phòng	Cơ sở	2001
19.	Nghiên cứu mô hình bệnh tật và công tác khám chữa bệnh trong 3 năm tại Đằng Hải, An Hải, hải Phòng (1998-2000)	Cơ sở	2001
20.	Tình hình mắc tai nạn thương tích ở trẻ em tại các trung tâm Y tế Quận – huyện trong 3 năm 1998 – 2000	Cơ sở	2001
21.	Nghiên cứu tình hình sử dụng, bảo quản và ảnh hưởng của hóa chất trừ sâu lên sức khỏe tại xã Tân Dân, huyện An Lão, Hải Phòng	Cơ sở	2001
22.	Tỷ lệ suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan tại xã Đông Hải, huyện An Hải, Hải Phòng năm 2001	Cơ sở	2001
23.	Nghiên cứu thể lực, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em 1-5 tuổi trường nuôi dạy trẻ thị trấn Cát Hải và xã Quang Phục, Tiên Lãng – Hải Phòng năm 2000	Cơ sở	2001
24.	Nghiên cứu đặc điểm huyết áp của người trưởng thành tại cộng đồng xã Đông Hải – huyện An Hải – Hải Phòng năm 2001	Cơ sở	2001
25.	Nghiên cứu đặc điểm biến đổi điện tâm đồ cầu các thuyền viên thuộc công ty vận tải xăng dầu Đường thủy số I Hải Phòng	Cơ sở	2001
26.	Nghiên cứu tình hình điều trị bệnh Hen phế quản và Viêm phế quản mạn tính tại cộng đồng xã An Đồng, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng	Cơ sở	2001
27.	Nghiên cứu tình trạng lạm dụng rượu tại phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Cơ sở	2001
28.	Nghiên cứu tình hình bệnh Hen phế quản ở trẻ em tại xã Quang Phục – Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Cơ sở	2001
29.	Nghiên cứu tình trạng béo phì, các yếu tố liên quan và phân loại theo YHCT ở lứa tuổi 6-11 tại 1 quận Hải Phòng	Cơ sở	2001
30.	Nghiên cứu chức năng thông khí phổi của người lao động làng nghề đúc Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Cơ sở	2001
31.	Đặc điểm dịch tễ chấn thương sọ não do tai nạn giao thông (TNGT) ở Hải Phòng	Cơ sở	2001
32.	Tình hình sức khỏe và bệnh tật ở trẻ em nghèo phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Cơ sở	2001
33.	Nghiên cứu mô hình bệnh tật của công nhân nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng Hải Phòng	Cơ sở	2001
34.	Tỷ lệ tử vong do tai nạn và hiệu quả của biện pháp	Cơ sở	2001

	tuyên truyền giáo dục sức khỏe làm giảm tử vong do đuối nước ở trẻ em dưới 5 tuổi tại cộng đồng ngoại thành Hải Phòng 1995-1999		
35.	Nguyên nhân và yếu tố liên quan đến tử vong trẻ em dưới 5 tuổi tại cộng đồng 48 xã ngoại thành Hải Phòng	Cơ sở	2001
36.	Tình hình vệ sinh cột sống ở học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở huyện An Hải – Hải Phòng	Cơ sở	2001
37.	Một số nhận xét về tình hình thể lực và các bệnh tật thường gặp của học sinh huyện Cát Hải	Cơ sở	2001
38.	Tình hình trẻ em tàn tật tại năm phường nghèo ven sông Hồng – Hà Nội	Cơ sở	2001
39.	Một số chỉ tiêu nhân trắc của học sinh 6-15 tuổi huyện An Hải – Hải Phòng Năm 2001	Cơ sở	2001
40.	Nghiên cứu đặc điểm dị ứng thuốc tại nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng	Cơ sở	2001
41.	Nghiên cứu công tác kế hoạch hóa gia đình tại Đằng Hải, An Hải, Hải Phòng trong 3 năm 1998 – 2000	Cơ sở	2001
42.	Mô hình sức khỏe và bệnh tật của trẻ em làng nghề SOS Hải Phòng	Cơ sở	2001
43.	Tác động của môi trường lao động tới sức khỏe người làm nghề đúc tại xã Mỹ Đồng – Thủy Nguyên – Hải phòng	Cơ sở	2001
44.	Nghiên cứu tỷ lệ mắc các bệnh Dị ứng – Miễn dịch tại cộng đồng của một xã thuộc huyện An Hải – Hải Phòng	Cơ sở	2001
45.	Nghiên cứu một số đặc điểm mắc giun Móc/Mỏ (<i>Ancylostoma duodenale</i> / <i>Necator americanus</i>) tại 2 xã huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng	Cơ sở	2001
46.	Nghiên cứu một số chỉ tiêu huyết học và nước tiểu người lao động làng nghề đúc An Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Cơ sở	2001
47.	Một số nhận xét về kinh tế xã hội – môi trường và bệnh tật của nhân dân xã Đông Hải – huyện An Hải – Hải Phòng năm 2001	Cơ sở	2001
48.	Một số chỉ tiêu nhân trắc của dân cư trưởng thành xã Đằng Hải và Đông Hải – huyện An Hải – Hải Phòng	Cơ sở	2001
49.	Điều tra vệ sinh cột sống ở học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở huyện đảo Cát Hải – Hải Phòng năm 2000.	Cơ sở	2001
50.	Nghiên cứu chức năng thông khí phổi của công nhân nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng Hải Phòng	Cơ sở	2001
51.	Thể lực và bệnh tật của trẻ em lang thang tại 4 quận thủ đô Hà Nội	Cơ sở	2001
52.	Nghiên cứu tử vong ở trẻ em 0-15 tuổi tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng trong 9 năm 1990 – 1998	Cơ sở	1999
53.	Tình hình bệnh tật của học sinh 6-15 tuổi xã Lê Lợi	Cơ sở	1999

	huyện An Hải – Hải Phòng năm 1999		
54.	Một số chỉ tiêu nhân trắc của học sinh 6-15 tuổi xã Lê Lợi huyện An Hải – Hải Phòng năm 1999	Cơ sở	1999
55.	Đặc điểm huyết áp của thuyền viên vận tải xăng dầu thuộc Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I	Cơ sở	1999
56.	Đặc điểm dịch tễ - lâm sàng rối loạn trầm cảm xã Hùng Thắng – Tiên Lãng – Hải Phòng	Cơ sở	1999
57.	Bước đầu nhận xét thực trạng lạm dụng rượu tại Hùng Thắng – Tiên Lãng – Hải Phòng	Cơ sở	1999
58.	Xây dựng chương trình giáo dục sức khỏe cho đối tượng đi biển Việt Nam	Bộ	1992
59.	Nghiên cứu xây dựng mô hình huy động cộng đồng tham gia chăm sóc sức khỏe ban đầu và làm cơ sở thực hành cho sinh viên y khoa tại xã Đặng Cương – huyện An Hải – Hải Phòng.	Bộ	1998
60.	Điều tra thể lực và một số bệnh phổ biến của học sinh Hải Phòng 1996-1997	Thành Phố	2000
61.	Thực trạng bệnh tật, những giải pháp bảo vệ sức khỏe người làm nghề đúc và cộng đồng tại Mỹ Đồng – Thủy Nguyên – Hải Phòng	Bộ	2006
62.	Giải pháp phục hồi chức năng cong vẹo cột sống ở học sinh tại thành phố Hải Phòng	Bộ	2007
63.	Nghiên cứu nồng độ CEA trong ung thư phổi ở các giai đoạn khác nhau.	Bộ	2007
64.	Decreased activity of daily living produced by the combination of Alzheimer's disease and lower limb fracture in elderly requiring nursing care.	Hợp tác quốc tế	2012
65.	Validation of the Karasek-Job Content Questionnaire to measure job strain in Vietnam	Hợp tác quốc tế	2013
66.	Work-related depression and associated factors in a shoe manufacturing factory in Haiphong city, Vietnam	Hợp tác quốc tế	2014
67.	Penicilliosis and AIDS in Haiphong, Vietnam: Evolution and predictive factors of death	Hợp tác quốc tế	2014
68.	Prise en charge des infections sexuellement transmissibles par les pharmacies privées à Hanoi en 2010	Hợp tác quốc tế	2014
69.	Diabète chez les nouveaux cas de tuberculose pulmonaire à Hanoï, Vietnam	Hợp tác quốc tế	2015
70.	Le tétanos à Hô-Chi-Minh-Ville, Vietnam : épidémiologie, clinique et pronostic, à propos de 389 cas à l'Hôpital des maladies tropicales	Hợp tác quốc tế	2015
71.	An international perspective on using opioid substitution treatment to improve hepatitis C prevention and care for people who inject drugs: Structural barriers and public health potential.	Hợp tác quốc tế	2015

72.	Prospects for ending the HIV epidemic among persons who inject drugs in Haiphong, Vietnam	Hợp tác quốc tế	2016
73.	High Proportion of HIV-HCV Coinfected Patients with Advanced Liver Fibrosis Requiring Hepatitis C Treatment in Haiphong, Northern Vietnam (ANRS 12262)	Hợp tác quốc tế	2016
74.	Cost-effectiveness of center-based compulsory rehabilitation compared to community-based voluntary methadone maintenance treatment in Hai Phong City, Vietnam	Hợp tác quốc tế	2016
75.	Measuring health literacy in Asia: Validation of the HLS-EU-Q47 survey tool in six Asian countries	Hợp tác quốc tế	2016
76.	Prospects for ending the HIV epidemic among persons who inject drugs in Haiphong, Vietnam.	Hợp tác quốc tế	2016
77.	Integrated respondent-driven sampling and peer support for persons who inject drugs in Haiphong, Vietnam: a case study with implications for interventions	Hợp tác quốc tế	2016
78.	Risk Behaviors for HIV and HCV Infection Among People Who Inject Drugs in Hai Phong, Viet Nam, 2014	Hợp tác quốc tế	2017
79.	Intravenous heroin use in Haiphong, Vietnam: need for comprehensive care including methamphetamine use-related interventions	Hợp tác quốc tế	2017
80.	A longitudinal and case-control study of dropout among drug users in methadone maintenance treatment in Haiphong, Vietnam	Hợp tác quốc tế	2017
81.	Risk Behaviors for HIV and HCV Infection Among People Who Inject Drugs in Hai Phong, Viet Nam, 2014	Hợp tác quốc tế	2017
82.	Kiến thức, thái độ và thực hành của cán bộ y tế về xử lý nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em theo phác đồ của Tổ chức Y tế thế giới.	Cơ sở	2012
83.	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đề tài / dự án nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Y Hải Phòng	Cơ sở	2012
84.	Tỷ lệ tăng huyết áp ở người cao tuổi tại quận Hồng Bàng, Hải Phòng năm 2010.	Cơ sở	2012
85.	Kiến thức, thái độ và thực hành về bệnh tăng huyết áp ở người cao tuổi tại quận Hồng Bàng, Hải Phòng năm 2010.	Cơ sở	2012
86.	Thực trạng môi trường lao động và sức khỏe công nhân ở một công ty công nghiệp tàu thủy tại Hải Phòng năm 2010	Cơ sở	2012
87.	Kiến thức, thái độ, thực hành về ART ở bệnh nhân HIV/AIDS tại phòng khám ngoại trú Việt Tiệp, Hải	Cơ sở	2012

	Phòng		
88.	Thực trạng nhiễm HIV trên đối tượng giám sát trọng điểm Hải Phòng 5 năm, 2006-2010	Cơ sở	2012
89.	Sàng lọc phát hiện đái tháo đường và rối loạn glucose máu tại cộng đồng Dương Kinh, Hải Phòng	Cơ sở	2012
90.	Thực trạng an toàn vệ sinh thực phẩm và công tác quản lý một số cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng tại địa bàn thành phố Hải Dương, 2010	Cơ sở	2012
91.	Công tác quản lý chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS tại một phòng khám ngoại trú quận, Hải phòng	Cơ sở	2012
92.	Đái tháo đường và đo lường chỉ số nhân trắc dự báo nguy cơ tại cộng đồng dân Dương Kinh, Hải Phòng	Cơ sở	2012
93.	Tỷ lệ các bệnh lây truyền qua đường máu phát hiện qua sàng lọc an toàn truyền máu tại Hải phòng, năm 2008 – 2011	Cơ sở	2012
94.	Thực trạng kiến thức, thực hành dự phòng lây nhiễm HIV của thành viên câu lạc bộ Hoa phượng đỏ, Hải phòng, năm 2009-2010	Cơ sở	2012
95.	Đặc điểm tai nạn lao động giám định sức khỏe tại Hải Phòng, năm 2009	Cơ sở	2012
96.	Một số đặc điểm người hiến máu tại Hải Phòng, năm 2010-2011	Cơ sở	2012
97.	Tuân thủ điều trị ARV và một số yếu tố liên quan	Cơ sở	2012
98.	Đánh giá nhận thức và thái độ thực hành của sinh viên từ Y1 đến Y6 về bảo mật thông tin của người bệnh	Cơ sở	2012
99.	Đánh giá kết quả thử nghiệm giảng dạy bằng elearning tại trường Đại học Y Hải Phòng	Cơ sở	2012
100.	Cận thị ở học sinh tiểu học và trung học cơ sở Hải Phòng và một số yếu tố liên quan	Cơ sở	2012
101.	Điều trị ARV cho bệnh nhân HIV/AIDS và vấn đề tuân thủ điều trị tại quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Cơ sở	2012
102.	Sàng lọc phát hiện sớm đái tháo đường và rối loạn glucose máu ở người trưởng thành có nguy cơ tại Hải Phòng, năm 2011	Cơ sở	2013
103.	Khảo sát kiến thức, thực hành về điều trị ARV và tuân thủ điều trị của bệnh nhân HIV/AIDS tại phòng khám quận Ngô quyền, Hải Phòng, năm 2012	Cơ sở	2013
104.	Khảo sát kiến thức, thực hành về điều trị ARV và tuân thủ điều trị của bệnh nhân HIV/AIDS tại phòng khám quận Ngô quyền, Hải Phòng, năm 2012	Cơ sở	2013
105.	Khảo sát kiến thức và thái độ của đối tượng hiến máu tình nguyện tại Hải Phòng, năm 2012	Cơ sở	2013
106.	Hiệu quả triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại Hải Phòng	Cơ sở	2013
107.	Kết quả giám sát trọng điểm HIV tại Hải Phòng,	Cơ sở	2013

	năm 2009		
108.	Thực trạng nhiễm khuẩn thực phẩm tại một số cơ sở dịch vụ ăn uống tại Hải Dương, năm 2010	Cơ sở	2013
109.	Các yếu tố tinh thần xã hội ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống người cao tuổi	Cơ sở	2013
110.	Thực trạng tuân thủ điều trị của bệnh nhân điều trị methadone tại cơ sở điều trị methadone quận Lê Chân, Hải Phòng	Cơ sở	2013
111.	Các yếu tố về tinh thần - xã hội ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống người cao tuổi	Cơ sở	2013
112.	Nghiên cứu thực trạng mắc bệnh hen phế quản và một số yếu tố liên quan ở học sinh tiểu học, trung học cơ sở Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng	Cơ sở	2013
113.	Nghiên cứu thực trạng mắc bệnh và kiểm soát hen phế quản ở học sinh tiểu học, trung học cơ sở Lê Hồng Phong Ngô Quyền, Hải Phòng.	Cơ sở	2013
114.	Căng thẳng nghề nghiệp trên công nhân nhà máy da giày Lê Lai 2, Hải Phòng năm 2012	Cơ sở	2014
115.	Tuân thủ điều trị và một số yếu tố nguy cơ của bệnh nhân điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại cơ sở điều trị methadone Lê Chân, Hải Phòng	Cơ sở	2014
116.	Liên quan giữa Genotype của Human Papillomavirus và tổn thương mô bệnh học trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung ở phía Bắc, Việt Nam.	Cơ sở	2014
117.	Thực trạng sử dụng thuốc trừ sâu tại 2 xã huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2012	Cơ sở	2014
118.	Thực trạng quản lý rác thải y tế tại 36 bệnh viện khu vực phía Bắc năm 2012	Cơ sở	2014
119.	Cân thị học đường và một số yếu tố liên quan của học sinh trường trung học cơ sở Quán Toan, Hải Phòng năm 2014	Cơ sở	2014
120.	Thực trạng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền tại trạm Y tế xã Hồng Thái huyện An Dương, Hải Phòng năm 2013	Cơ sở	2014
121.	Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại phường Đồng Quốc Bình, Hải Phòng năm 2013	Cơ sở	2014
122.	Sàng lọc phát hiện sớm đái tháo đường và rối loạn glucose máu ở người trưởng thành có nguy cơ tại một phường, quận Hải An, năm 2011	Cơ sở	2014
123.	Nghiên cứu thực trạng sàng lọc an toàn truyền máu tại Hải Phòng trong 3 năm 2009-2011	Cơ sở	2014
124.	Khảo sát tỷ lệ tật khúc xạ và một số yếu tố liên quan của học sinh hai trường tiểu học, Hải Phòng, năm	Cơ sở	2014

	2013		
125.	Kiến thức và thái độ thực hành vệ sinh bàn tay của người chế biến thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, huyện Ninh Giang, Hải Dương	Cơ sở	2014
126.	Thực trạng quản lý và điều trị bệnh nhân Đái tháo đường tuýp 2 tại bệnh viện Đa khoa Tứ kỳ, Hải Dương 2012-2013	Cơ sở	2014
127.	Hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục cho người dân trong sử dụng và bảo quản thuốc trừ sâu tại xã Mỹ Đức, An Lão, Hải Phòng năm 2012	Cơ sở	2014
128.	Chuẩn hóa hai công cụ đo lường “mức độ dung hòa công việc – gia đình và mức độ lo âu trong cuộc sống” sang tiếng Việt	Cơ sở	2014
129.	Kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan đến sử dụng muối iot của người dân tại xã Gia Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, năm 2014	Cơ sở	2014
130.	Tỷ lệ tiền đái tháo đường, đái tháo đường và một số yếu tố liên quan ở người trưởng thành có nguy cơ tại một phường quận Hồng Bàng, Hải Phòng năm 2013	Cơ sở	2014
131.	Thực trạng thể lực và bệnh tật của công nhân xí nghiệp sản xuất bóng - công ty TNHH MTV da giày Hải Phòng năm 2013	Cơ sở	2014
132.	Một số yếu tố liên quan đến căng thẳng nghề nghiệp trên công nhân xí nghiệp giày da Lê Lai 2, Hải Phòng năm 2012	Cơ sở	2014
133.	Thực trạng dự trữ thuốc ở gia đình tại huyện An Lão, Hải phòng năm 2012	Cơ sở	2014
134.	Kiến thức và thực hành vệ sinh bàn tay của người chế biến thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, huyện Ninh Giang, Hải Dương	Cơ sở	2014
135.	Thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và hoạt động của các phòng truyền thông giáo dục sức khỏe tại Hải phòng năm 2013	Cơ sở	2014
136.	Thực trạng quản lý và điều trị bệnh nhân Đái tháo đường tuýp 2 tại bệnh viện đa khoa Tứ kỳ, Hải dương 2012-2013	Cơ sở	2014
137.	Tuân thủ điều trị và một số yếu tố nguy cơ của bệnh nhân điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại cơ sở điều trị methadone Lê Chân, Hải Phòng	Cơ sở	2014
138.	Đặc điểm dịch tễ, tình trạng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người nhiễm HIV/AIDS trong nhóm tự lực, quận Dương Kinh, Hải Phòng năm 2011	Cơ sở	2014
139.	Khảo sát thực trạng hoạt động của mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe huyện Kiến Thụy Hải Phòng năm 2013	Cơ sở	2015

140.	Đặc điểm dịch tễ học nhiễm HIV/AIDS của bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS đang điều trị tại trung tâm y tế huyện An Lão Hải Phòng	Cơ sở	2015
141.	Kết quả điều trị của bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS điều trị ARV tại trung tâm y tế huyện An Lão Hải Phòng (2008-2014)	Cơ sở	2015
142.	Chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt tại nội thành Hải Phòng năm 2014: duy trì ngoại kiểm	Cơ sở	2015
143.	Thực trạng nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn Hải Phòng năm 2013	Cơ sở	2015
144.	Tỷ lệ nhiễm và phân bố genotype của Human papillomavirus trên bệnh nhân ung thư hậu môn ở phía Bắc, Việt Nam.	Cơ sở	2015
145.	Nguy cơ trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở một số khối sinh viên đa khoa trường đại học Y Dược Hải Phòng	Cơ sở	2015
146.	Kiến thức, thái độ, hành vi uống rượu bia của sinh viên đa khoa hệ dài hạn trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2015	Cơ sở	2015
147.	Kiến thức và thực hành ứng phó biến đổi khí hậu của người dân tại xã Đông Ninh, Đông Sơn, Thanh Hóa năm 2015	Cơ sở	2015
148.	Hút thuốc lá, uống rượu và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường Trung học phổ thông An Dương, Hải Phòng năm 2014.	Cơ sở	2015
149.	Tỷ lệ nhiễm và phân bố genotype của Human papillomavirus trên bệnh nhân ung thư hậu môn ở phía Bắc, Việt Nam.	Cơ sở	2015
150.	Kiến thức, thái độ, thực hành của người chăm sóc và một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của trẻ HIV/AIDS điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, năm 2013	Cơ sở	2015
151.	Đặc điểm tổ chức lao động và tỉ lệ mắc rối loạn cơ xương trên điều dưỡng viên bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng năm 2015	Cơ sở	2015
152.	Một số yếu tố liên quan rối loạn cơ xương trên điều dưỡng viên bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng năm 2015	Cơ sở	2015
153.	Nguy cơ trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở một số khối sinh viên đa khoa trường đại học Y Dược Hải Phòng	Cơ sở	2015
154.	Tìm hiểu khó khăn và nhu cầu hỗ trợ việc làm của bệnh nhân điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Hải Phòng	Cơ sở	2015
155.	Kiến thức, thái độ, hành vi uống rượu bia của sinh viên đa khoa hệ dài hạn trường Đại học Y Dược Hải	Cơ sở	2015

	Phòng năm 2015		
156.	Thực trạng quản lý chất thải y tế rắn tại 22 bệnh viện khu vực Miền Bắc năm 2014	Cơ sở	2015
157.	Thực trạng hành vi bạo lực học đường và một số yếu tố liên quan tại một trường phổ thông trung học tỉnh Nam Định năm 2015	Cơ sở	2015
158.	Kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh trường Trung học phổ thông Ngô Sĩ Liên tỉnh Bắc Giang năm 2015	Cơ sở	2015
159.	Thực trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan ở học sinh hai trường Trung học cơ sở Ngô Quyền, Hải phòng năm 2015	Cơ sở	2015
160.	Tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ và một số yếu tố liên quan của trẻ em dưới 12 tháng tuổi tại xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng năm 2014	Cơ sở	2015
161.	Thực trạng điều kiện an toàn thực phẩm và kiến thức, thực hành của người phục vụ tại các nhà hàng ăn uống quận Lê Chân, Hải phòng năm 2013	Cơ sở	2015
162.	Thực trạng sử dụng ma túy và hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trên nhóm sử dụng ma túy tại Hải phòng năm 2013	Cơ sở	2015
163.	Thực trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan ở học sinh hai trường trung học cơ sở quận Ngô Quyền, Hải Phòng năm 2015.	Cơ sở	2015
164.	Thực trạng hành vi bạo lực học đường và một số yếu tố liên quan tại một trường Phổ thông trung học tỉnh Nam Định năm 2015	Cơ sở	2015
165.	Thực trạng cho ăn bổ sung của bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại xã Kim Xuyên, Kim Thành, Hải Dương năm 2015	Cơ sở	2015
166.	Thực trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan ở học sinh hai trường trung học cơ sở quận Lê Chân, Hải Phòng năm 2016.	Cơ sở	2016
167.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của bệnh nhân đến khám bệnh, bệnh viện đại học y Hải Phòng năm 2016	Cơ sở	2016
168.	Thực trạng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại phòng khám methadone, quận Ngô Quyền, Hải phòng, 2014	Cơ sở	2016
169.	Kiến thức, thái độ, thực hành của người chăm sóc và một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của trẻ HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện trẻ em Hải phòng năm 2013	Cơ sở	2016
170.	Thực trạng viêm mũi dị ứng do dị nguyên bụi bông và một số yếu tố liên quan trên công nhân tại cơ sở dệt may Nam Định năm 2016	Cơ sở	2016

171.	Cơ cấu bệnh tật của công nhân tại cơ sở dệt may Nam Định	Cơ sở	2016
172.	Trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở khối sinh viên bác sỹ chuyên khoa hệ 6 năm trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Cơ sở	2016
173.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của bệnh nhân đến khám bệnh tại Khoa khám bệnh, bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2016	Cơ sở	2016
174.	Trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở sinh viên đa khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2016	Cơ sở	2016
175.	Đặc điểm tàn tật của bệnh nhân phồng tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Cơ sở	2016
176.	Thực trạng sử dụng và bảo quản hóa chất bảo vệ thực vật của người dân xã Tiên Thịnh, Mê Linh, Hà Nội 2016	Cơ sở	2016
177.	Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống lây nhiễm viêm gan B của sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015	Cơ sở	2016
178.	Thực trạng an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác quản lý, kiến thức, thực hành của nhân viên tại các bếp ăn tập thể huyện Thủy Nguyên Hải Phòng năm 2012	Cơ sở	2016
179.	Bỏ trị và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Hải Phòng, 2014	Cơ sở	2016
180.	Thực trạng sử dụng kháng sinh không theo đơn cho trẻ dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan ở huyện Xuân Trường, Nam Định năm 2016	Cơ sở	2016
181.	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ của trẻ dưới 12 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại xã Hồng Thái, huyện An Dương, Hải phòng năm 2015	Cơ sở	2016
182.	Thực trạng hoạt động và quản lý hành nghề của các phòng khám tư nhân tại tỉnh Hải dương năm 2013	Cơ sở	2016
183.	Tỷ lệ bỏ trị ở bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại Hải phòng, năm 2012-2015	Cơ sở	2016
184.	Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân phong tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng năm 2016	Cơ sở	2016
185.	Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi và một số yếu tố liên quan ở trẻ em dưới 5 tuổi tại xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định năm 2016	Cơ sở	2016
186.	Thực trạng sử dụng thuốc tại nhà của người dân xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng năm 2015	Cơ sở	2016
187.	Thực trạng tiếng ồn và thính lực của công nhân tại một nhà máy sản xuất thép tại Hải Phòng năm 2015	Cơ sở	2016
188.	Thực trạng căng thẳng nghề nghiệp và một số yếu tố liên quan của công nhân công ty may Trường Tiến,	Cơ sở	2016

	Nam Định năm 2016		
189.	Đa hình gen ALAD G177C ở công nhân phơi nhiễm với chì	Cơ sở	2016
190.	Hàm lượng delta-ala (d-ala) và mối liên quan với tổn thương AND ở công nhân phơi nhiễm chì	Cơ sở	2016
191.	Thực trạng kiến thức, thái độ của người dân về hút thuốc sau một năm luật phòng chống hút thuốc lá có hiệu lực tại một số quận huyện Hải Phòng	Cơ sở	2016

4.2. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐANG TIẾN HÀNH BỘ MÔN Y TẾ CÔNG CỘNG – ĐH Y HẢI PHÒNG

STT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Năm triển khai
1.	DỰ ÁN DRIVE : Chấm dứt dịch HIV và Viêm gan C trong cộng đồng những người tiêm chích ma túy	Đề tài hợp tác quốc tế	2014-2020

MẪU 5

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ Y TẾ

1. Quản lý sức khỏe người lao động
2. Quản lý mạng lưới y tế biển đảo
3. Quản lý sức khỏe lứa tuổi
4. Quản lý và giám sát, đánh giá môi trường.
5. Quản lý các chương trình, dự án y tế
6. Phân tích kinh tế y tế.
7. Quản lý, giám sát các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG	3
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	4
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CKII QUẢN LÝ Y TẾ	7
PHÂN BỐ QUỸ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC	7
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT ĐÀO TẠO	Error! Bookmark not defined.
MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP	9
CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU	10
A. PHẦN CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
Tin học	11
Phương pháp nghiên cứu khoa học	14
Phương pháp dạy học	16
B. MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ	20
Quản lý hành chính nhà nước	20
Dân số và kế hoạch hoá gia đình	23
C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH	24
Quản lý sức khoẻ cộng đồng	25
Quản lý sức khoẻ sinh sản	28
Quản lý sức khoẻ người cao tuổi	30
Các chương trình y tế và các dự án y tế	32
Quản lý việc thực hiện các chính sách y tế	34
Quản lý các nguồn lực y tế	36
Đánh giá các hoạt động y tế	38
Hướng dẫn thực hiện chương trình	40
DANH SÁCH CÁN BỘ GIẢNG DẠY CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH	42
DANH SÁCH CÁN BỘ GIẢNG DẠY TỪNG MÔN HỌC	43